



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

22

Tháng 11 - 2014

VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ KỶ NIỆM 30 NĂM THÀNH LẬP VÀ ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2014



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao Huân chương Lao động hạng Ba cho Vụ Hợp tác quốc tế



Tiết mục văn nghệ chào mừng của cán bộ, công chức Vụ Hợp tác quốc tế

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

**THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ**

**TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI LĂM**

22

SỐ 22 - 11/2014

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thông tư số 17/2014/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 và Thông tư số 18/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 về hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ 5
- Thông tư số 32/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ 8

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa 10
- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp: Thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 mà giấy tờ quyền sử dụng đất không ghi rõ diện tích đất ở; đất chuyển từ xã về phường, thị trấn do điều chỉnh địa giới hành chính mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất 12
- Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định một số trường hợp cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 13



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(**Trưởng ban**)

CN. ĐỖ KIM NHẬN
CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN
CN. NGUYỄN BÍCH NGỌC
CN. NGUYỄN LỆ MINH
ThS. PHẠM KHÁNH LY
ThS. HOÀNG ĐẠI HẢI

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội thảo “Xây dựng bộ chỉ số đô thị thịnh vượng” 16
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Đồng Xoài là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bình Phước 17
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Thịnh Long (tỉnh Nam Định) là đô thị loại IV 19
- Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Kỳ Anh mở rộng là đô thị loại IV 20
- Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Đăk Mil là đô thị loại IV 22
- Quy hoạch hợp lý là chìa khóa để giải quyết những vấn đề đô thị hóa 24
- Tài nguyên hóa rác thải xây dựng và những lợi ích 26
- Triển vọng phát triển một trong các xu hướng xây dựng lắp ghép liên khối trên thị trường nhà ở và công trình công cộng ở Liên bang Nga 29
- Việc khai thác không gian ngầm đô thị cần được quản lý bằng các quy phạm 32

Thông tin

- Thứ trưởng Cao Lại Quang tiếp Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) 34
- Khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild 2014 tại Hà Nội 35
- Khai mạc Hội nghị Hội đồng xi măng Đông Nam Á lần thứ 38 37
- Vụ Hợp tác quốc tế kỷ niệm 30 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động 38
- Xu hướng xanh trong xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn của Trung Quốc 40
- Hồ Bắc: Tìm hướng đi mới trong việc xử lý nước thải 42
- Tình hình sử dụng thép phế liệu trong ngành xây dựng Trung Quốc và quốc tế 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thông tư số 17/2014/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 và Thông tư số 18/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 về hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ

Ngày 18/11/2014, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 17/2014/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 và Thông tư số 18/2013/TT-BXD ngày 31/10/2013 về hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

Theo Thông tư này, Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BXD về phạm vi điều chỉnh được sửa đổi, bổ sung như sau: Thông tư này điều chỉnh các nội dung có liên quan đến việc xác định các đối tượng được vay vốn để thuê, thuê mua và mua nhà ở xã hội; vay vốn để thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m², giá bán dưới 15 triệu đồng/m²; vay vốn để mua nhà ở thương mại tại các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có tổng giá trị hợp đồng mua bán đã bao gồm thuế VAT (kể cả nhà và đất) không vượt quá 1,05 tỉ đồng; vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình và vay vốn để đầu tư phát triển nhà ở xã hội theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 và Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 21/8/2014 của Chính phủ.

Điểm b Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 07/2013/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung như sau: Cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và đối tượng thu nhập thấp vay vốn để thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu đồng/m²;

cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, công nhân, người lao động có thu nhập thấp nhưng khó khăn về nhà ở, khi mua nhà ở thương mại tại các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có tổng giá trị hợp đồng mua bán đã bao gồm thuế VAT (kể cả nhà và đất) không vượt quá 1,05 tỉ đồng; cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động tại đô thị đã có đất ở phù hợp với quy hoạch đang khó khăn về nhà ở nhưng chưa được Nhà nước hỗ trợ dưới mọi hình thức vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình.

Thông tư này đã sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 18/2013/TT-BXD. Cụ thể như sau: Doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật nhà ở; doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội; hộ gia đình, cá nhân có phương án đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội phù hợp với quy định của pháp luật để cho thuê, cho thuê mua và để bán cho các đối tượng là công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp (kể cả bên trong và ngoài khu công nghiệp) của tất cả các ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế; người lao động thuộc các thành phần kinh tế tại khu vực đô thị;

sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trường dạy nghề cho công nhân (không phân biệt công lập ngay ngoài công lập) và các đối tượng khác thuộc diện được giải quyết nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật nhà ở.

Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BXD quy định về đối tượng được vay vốn để thuê, thuê mua và mua nhà ở xã hội; vay vốn để thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m², có giá bán dưới 15 triệu đồng/m²; vay vốn để mua nhà ở thương mại có tổng giá trị hợp đồng mua bán đã bao gồm thuế VAT (kể cả nhà và đất) không vượt quá 1,05 tỉ đồng; vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa lại nhà ở của mình; hộ gia đình, cá nhân đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội phù hợp với quy định của pháp luật để cho thuê, cho thuê mua và để bán cho các đối tượng theo quy định của pháp luật nhà ở được sửa đổi, bổ sung như sau: Cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp; viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp công lập, lực lượng vũ trang nhân dân; đối tượng thu nhập thấp là người lao động thuộc các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; người đã được nghỉ lao động theo chế độ quy định; người lao động tự do, kinh doanh cá thể; cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động tại đô thị đã có đất ở phù hợp với quy hoạch đang khó khăn về nhà ở nhưng chưa được Nhà nước hỗ trợ dưới mọi hình thức, vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình; hộ gia đình, cá nhân đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội phù hợp với quy định của pháp luật để cho thuê, cho thuê mua và để bán cho các đối tượng là công nhân, người lao động tại các khu

công nghiệp, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các cơ sở sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp của tất cả các ngành, nghề thuộc các thành phần kinh tế; người lao động thuộc các thành phần kinh tế tại khu vực đô thị; sinh viên, học sinh các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề và trường dạy nghề cho công nhân và các đối tượng khác thuộc diện được giải quyết nhà ở xã hội theo quy định của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 07/2013/TT-BXD được sửa đổi như sau: Đối tượng quy định tại Điều 2, ngoài việc đảm bảo đủ điều kiện theo quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD, Thông tư số 18/2013/TT-BXD và Thông tư này, còn phải đáp ứng các điều kiện quy định vay vốn theo quy định tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013 và Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 3 Thông tư số 07/2013/TT-BXD được bổ sung thêm Khoản 4, Khoản 5 và Khoản 6. Cụ thể: Điều kiện được vay vốn để mua nhà ở thương mại có tổng giá trị hợp đồng mua bán đã bao gồm thuế VAT (kể cả nhà và đất) không vượt quá 1,05 tỉ đồng, đối tượng được vay vốn phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, hoặc có nhà ở nhưng diện tích quá chật chội (có nhà ở là căn hộ chung cư, nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình thấp hơn 8 m² sử dụng/người; có nhà ở riêng lẻ, nhưng diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình thấp hơn 8 m² sử dụng/người và diện tích khuôn viên đất của nhà ở đó nhỏ hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu được cấp phép xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh; chưa có nhà ở nhưng có đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai và diện tích đất ở đó nhỏ hơn tiêu chuẩn diện tích đất tối thiểu được cấp phép xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh); đối tượng được vay vốn phải có hộ khẩu thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi có dự án nhà ở (trường hợp tạm trú thì phải có đóng bảo hiểm xã hội từ 1 năm trở lên tại tỉnh, thành phố đó và có giấy xác nhận của cơ quan bảo hiểm; trường hợp đối tượng làm việc tại chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại địa phương nơi có dự án mà việc đóng bảo hiểm thực hiện tại địa phương nơi công ty có chi nhánh hoặc văn phòng đại diện thì cũng được áp dụng quy định tại Điểm này nhưng phải có giấy xác nhận của công ty về việc đóng bảo hiểm); có hợp đồng mua nhà ở thương mại đã ký với chủ đầu tư các dự án phát triển nhà ở, dự án đầu tư xây dựng khu đô thị trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về nhà ở. Mỗi hộ gia đình chỉ được vay một lần hỗ trợ nhà ở theo quy định của Thông tư này. Trường hợp con, cháu của chủ hộ đã lập gia đình và trường hợp ở nhờ nhưng có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú cùng với chủ hộ thì được coi là hộ gia đình độc lập và thuộc đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư này.

Điều kiện được vay vốn để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động tại đô thị đã có đất ở phù hợp với quy hoạch: Đang khó khăn về nhà ở nhưng chưa được Nhà nước hỗ trợ dưới mọi hình thức; đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng. Trường hợp trên khuôn viên diện tích đất ở đã có nhà ở thì diện tích nhà ở bình quân của hộ gia đình phải bảo đảm điều kiện thấp hơn 8 m² sử dụng/người hoặc nhà ở đã bị hư hỏng nặng phải phá đi xây dựng lại nhà ở mới hoặc nhà ở bị hư hỏng, dột nát cần

phải cải tạo sửa chữa phần khung - tường và thay mới mái nhà.

Điều kiện được vay vốn đối với hộ gia đình, cá nhân đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội để cho thuê, cho thuê mua và để bán cho các đối tượng theo quy định của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội: Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, có giấy phép xây dựng; bảo đảm điều kiện tối thiểu đối với một phòng ở quy định tại Điều 8, điều kiện tối thiểu đối với một căn nhà (căn hộ) quy định tại Điều 9, điều kiện tối thiểu đối với khu vực xây dựng nhà ở quy định tại Điều 10 của Thông tư số 08/2014/TT-BXD ngày 23/5/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua thuộc khu vực được miễn giấy phép xây dựng mà có từ 10 phòng (hoặc 10 căn hộ) trở lên hoặc bố trí chỗ ở cho 50 người trở lên hoặc có trên 200 m² sàn xây dựng thì phải có bản vẽ sơ đồ thể hiện tổng mặt bằng xây dựng, bảo đảm các điều kiện quy định tại các Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Thông tư số 08/2014/TT-BXD ngày 23/5/2014 của Bộ Xây dựng, đồng thời phải được sự chấp thuận bằng văn bản của UBND xã, phường sở tại; có văn bản cam kết thực hiện việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội (sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng) theo đúng đối tượng và khung giá theo quy định tại Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2014/TT-BXD ngày 23/5/2014 của Bộ Xây dựng và xác nhận của UBND xã, phường sở tại. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2014.

(Xem toàn văn tại www.moc.gov.vn)

Thông tư số 32/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ

Ngày 18/11/2014, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 32/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 11/2013/TT-NHNN ngày 15/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

Theo Thông tư này, ngân hàng cho vay theo quy định bao gồm: Các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam; Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long); các ngân hàng thương mại cổ phần khác do Ngân hàng Nhà nước chỉ định. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi Thông tư này có hiệu lực, các ngân hàng thương mại cổ phần có nhu cầu đăng ký tham gia gửi công văn đề nghị tham gia chương trình cho vay hỗ trợ nhà ở theo mẫu về Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng Nhà nước căn cứ vào quy mô, phạm vi hoạt động và kinh nghiệm trong cho vay đối với lĩnh vực đầu tư, kinh doanh bất động sản của các ngân hàng để xem xét, quyết định.

Ngoài các điều kiện cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15/5/2013 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của

Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 07/2013/TT-BXD, khách hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: Đối với khách hàng cá nhân vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; thuê, mua nhà ở thương mại, phải có hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; hợp đồng thuê, mua nhà ở thương mại với chủ đầu tư; có mục đích vay vốn để trả khoản tiền chưa thanh toán mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m², giá bán dưới 15 triệu đồng/m² đối với các hợp đồng đã ký với chủ đầu tư kể từ ngày 07/01/2013 hoặc có mục đích vay vốn để trả các khoản tiền chưa thanh toán với chủ đầu tư phát sinh kể từ ngày 21/8/2014 để mua nhà ở thương mại có tổng giá trị hợp đồng mua bán (kể cả nhà và đất) không vượt quá 1,05 tỉ đồng; có đề nghị vay vốn để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê, mua nhà ở thương mại và cam kết khách hàng, các thành viên trong hộ gia đình của khách hàng chưa được vay vốn hỗ trợ tại ngân hàng theo quy định tại Thông tư này; có đủ vốn tối thiểu tham gia vào phương án vay theo quy định. Đối với khách hàng cá nhân vay để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình, phải có mục đích vay vốn để trả các chi phí chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 21/8/2014 (không bao gồm chi phí thuế) để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình; có đề nghị vay vốn để xây dựng mới, cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình và cam kết khách hàng, các thành viên trong hộ gia đình của khách hàng chưa được vay vốn hỗ trợ tại ngân hàng theo quy định tại Thông tư này; có đủ vốn tối thiểu tham

gia vào phương án vay theo quy định. Đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân có phương án đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội, phải có mục đích vay vốn để trả chi phí chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 21/8/2014 (không bao gồm chi phí thuế) để thực hiện dự án đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội; có đề nghị vay vốn để đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội và cam kết khách hàng, các thành viên trong hộ gia đình của khách hàng chưa được vay vốn hỗ trợ tại ngân hàng để thực hiện dự án, phương án nêu trên theo quy định tại Thông tư này; có đủ vốn tối thiểu tham gia vào dự án, phương án vay theo quy định. Đối với khách hàng doanh nghiệp, phải là doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư này, có mục đích vay vốn để trả các chi phí chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 07/01/2013 (không bao gồm chi phí thuế) để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội theo quy định; có đề nghị vay vốn để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội và cam kết chưa được vay vốn hỗ trợ tại ngân hàng để thực hiện dự án nêu trên; có đủ vốn tối thiểu tham gia vào dự án, phương án vay theo quy định.

Mức vốn tối thiểu của khách hàng tham gia vào dự án, phương án vay: Tối thiểu 20% giá trị của phương án vay đối với khách hàng cá nhân vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê, mua nhà ở thương mại; tối thiểu 30% tổng mức đầu tư của phương án vay đối với khách hàng cá nhân vay để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình; tối thiểu 30% tổng mức đầu tư của phương án vay đối với khách hàng là hộ gia đình, cá nhân có phương án đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội; tối thiểu 30% tổng mức đầu tư của dự án, phương án vay đối với khách hàng doanh nghiệp. Trường hợp khách hàng cá nhân mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, thuê, mua nhà ở thương

mại chưa có hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở với chủ đầu tư nhưng đáp ứng đủ các điều kiện vay vốn khác thì ngân hàng được phát hành cam kết sẽ cho vay sau khi khách hàng hoàn thành ký kết hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở với chủ đầu tư. Thời gian áp dụng mức lãi suất cho vay: Tối đa 15 năm đối với khách hàng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; thuê, mua nhà ở thương mại tính từ thời điểm khách hàng được giải ngân lần đầu tiên, nhưng không vượt quá thời điểm 01/6/2031; tối đa 10 năm đối với khách hàng xây dựng mới, cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình tính từ thời điểm khách hàng được giải ngân lần đầu tiên, nhưng không vượt quá thời điểm 01/6/2026; tối đa 5 năm đối với khách hàng doanh nghiệp, khách hàng hộ gia đình, cá nhân đầu tư cải tạo hoặc xây dựng mới nhà ở xã hội tính từ thời điểm khách hàng được giải ngân lần đầu tiên, nhưng không vượt quá thời điểm 01/6/2021. Mức cho vay tối đa với một khách hàng do ngân hàng và khách hàng thỏa thuận đảm bảo phù hợp với các quy định của Thông tư này, và không vượt quá mức áp dụng chung trên địa bàn cả nước là 700 triệu đồng/ khách hàng đối với khách hàng vay để xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa lại nhà ở của mình.

Quy định về thời hạn tái cấp vốn được sửa đổi như sau: Trừ trường hợp thu nợ tái cấp vốn theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước theo quy định, thời hạn tái cấp vốn cho vay hỗ trợ nhà ở từng lần là 364 ngày và tự động được gia hạn đối với dư nợ tái cấp vốn còn lại tại thời điểm đến hạn thêm một thời gian bằng thời hạn tái cấp vốn lần đầu. Việc tự động gia hạn được thực hiện tối đa kéo dài đến ngày 01/6/2031. Dư nợ còn lại của khách hàng tại ngân hàng sau ngày hết thời hạn áp dụng mức lãi suất cho vay hỗ trợ quy định tại Thông tư này được chuyển sang hình thức cho vay theo cơ chế thương mại bằng nguồn vốn của ngân hàng.

Sau khi thẩm định và dự kiến quyết định cho vay đối với doanh nghiệp, ngân hàng gửi công

văn đăng ký cho vay đối với doanh nghiệp theo mẫu đính kèm Thông tư này về Ngân hàng Nhà nước và chỉ được ký hợp đồng đối với doanh nghiệp sau khi được Ngân hàng Nhà nước thông báo còn nguồn tái cấp vốn dành cho đối tượng này.

Những khoản cho vay trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được các bên tiếp tục thực hiện theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp khách hàng vay vốn mua, thuê, thuê mua

nhà ở xã hội, thuê, mua nhà ở thương mại theo các Hợp đồng tín dụng đã ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành có thời hạn cho vay trên 10 năm thì được điều chỉnh thời gian áp dụng lãi suất cho vay hỗ trợ theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư này.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2014.

(Xem toàn văn tại www.sbv.gov.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa

Ngày 15/10/2014, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 33/2014/QĐ-UBND quy định về diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở tại nông thôn và đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 143 và Điều 144 Luật Đất đai.

Quyết định này không áp dụng cho các trường hợp: Chuyển quyền sử dụng đất trọn thửa; bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; các trường hợp tách thửa do Nhà nước thu hồi một phần thửa đất; thửa đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tách thửa để tặng cho, chuyển nhượng cho Nhà nước, hộ gia đình, cá nhân để xây dựng nhà ở theo chính sách xã hội mà có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu quy định tại Quyết định này; thửa đất đang sử dụng được hình thành từ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà diện tích thửa đất nhỏ hơn diện tích tối thiểu nhưng có đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì

người sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Theo Quy định này, đối với đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị, các trường hợp không được tách thửa bao gồm: Khu vực bảo tồn đã được UBND Thành phố phê duyệt danh mục phải bảo tồn theo quy định của pháp luật; các khu vực hiện đang là biệt thự được tiếp tục quản lý theo quy hoạch, biệt thự thuộc sở hữu Nhà nước, biệt thự thuộc nhóm 1 và 2 theo quy định tại Thông tư số 38/2009/TT-BXD ngày 08/12/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc quản lý sử dụng nhà biệt thự tại khu vực đô thị, biệt thự thuộc dự án đã quy hoạch, đất ở thuộc các dự án đã được Nhà nước giao đất, cấp giấy chứng nhận cho từng nền đất theo quy hoạch được duyệt. Trường hợp quy hoạch này không còn phù hợp, phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện tách thửa. Việc tách thửa phải đảm bảo đúng theo quy hoạch đã điều chỉnh. Trường hợp vị trí nhà, đất ở thuộc khu vực đã có Thông báo thu hồi đất hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì

không được tách thửa.

Các trường hợp không thuộc quy định nêu trên thì được tách thửa, nhưng phải đảm bảo các điều kiện sau: Thửa đất mới hình thành và thửa đất còn lại, sau khi trừ lộ giới, diện tích tối thiểu đối với khu vực 1 (gồm các Quận 1, 3, 4, 5, 6, 8, 10, 11, Gò Vấp, Bình Thạnh, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú), đất ở chưa có nhà là 50 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 4 m; đất có nhà hiện hữu là 45 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 3 m tại đường phố có lộ giới lớn hơn hoặc bằng 20 m, 36 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 3 m tại đường phố có lộ giới nhỏ hơn 20 m; đối với khu vực 2 (gồm các Quận 2, 7, 9, 12, Bình Tân, Thủ Đức và thị trấn các huyện được quy hoạch đô thị hóa), đất ở chưa có nhà là 80 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 5 m, đất có nhà hiện hữu là 50 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 4 m; đối với khu vực 3 (gồm các huyện Bình Chánh, Củ Chi, Hóc Môn, Nhà Bè, Cần Giờ ngoại trừ thị trấn hoặc khu vực được quy hoạch đô thị hóa thuộc huyện), đất ở chưa có nhà là 120 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 7 m, đất có nhà hiện hữu là 80 m² và chiều rộng mặt tiền thửa đất không nhỏ hơn 5 m. Ngoài ra, phải đảm bảo được hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và kết nối, đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật hiện hữu. Trường hợp thửa đất khi tách thửa sẽ hình thành đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật khác, UBND quận, huyện có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện đảm bảo kết nối hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực. Diện tích làm đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật khác được đưa vào sử dụng chung theo quy hoạch.

Đối với thửa đất nằm trong khu dân cư hiện hữu, trường hợp thửa đất không thuộc khu vực Nhà nước phải thu hồi để đầu tư theo quy hoạch hoặc kế hoạch sử dụng đất được duyệt, UBND quận, huyện căn cứ nhu cầu của người sử dụng đất, xem xét từng trường hợp cụ thể để

giải quyết chuyển mục đích sử dụng đất toàn bộ thửa đất hoặc một phần thửa đất sang đất ở, đồng thời với việc thực hiện tách thửa đất. Thửa đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất và tách thửa phải đảm bảo các điều kiện quy định. Trường hợp thửa đất thuộc khu vực Nhà nước phải thu hồi để đầu tư theo quy hoạch hoặc kế hoạch sử dụng đất được duyệt, trường hợp thửa đất nằm trong quy hoạch sử dụng đất đã được công bố mà chưa có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện đã được phê duyệt và đã được công bố thì được tách thửa theo quy định nêu trên; trường hợp thửa đất nằm trong quy hoạch sử dụng đất đã được công bố và đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện được phê duyệt và đã được công bố thì tiếp tục thực hiện các quyền của người sử dụng đất nhưng không được xây dựng mới nhà ở, công trình, trồng cây lâu năm. Nếu người sử dụng đất có nhu cầu cải tạo, sửa chữa nhà ở, công trình hiện có thì phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định pháp luật. Trường hợp thửa đất đã có Thông báo thu hồi đất hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì không được tách thửa. Trường hợp thửa đất khi tách thửa có hình thành đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật, người sử dụng đất có trách nhiệm đầu tư hoàn thiện, bàn giao và không phải nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất làm đường giao thông và hạ tầng kỹ thuật; UBND quận, huyện nơi có thửa đất có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý theo quy định.

Trường hợp tách thửa để hợp thửa với thửa đất liền kề, thửa đất tách ra để hợp thửa với thửa liền kề được phép có diện tích nhỏ hơn diện tích tối thiểu được tách thửa theo Quyết định này, nhưng diện tích thửa đất còn lại phải lớn hơn hoặc bằng diện tích tối thiểu được tách thửa theo Quyết định này. Trường hợp điều chỉnh ranh giữa các thửa để có hình thể thửa cho phù hợp và diện tích các thửa đất sau khi điều chỉnh ranh không thay đổi, giao Chủ tịch

UBND quận, huyện giải quyết theo thẩm quyền. Căn cứ quy hoạch để xem xét giải quyết tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở của hộ gia đình, cá nhân: Căn cứ quy hoạch phân khu tỉ lệ 1:2.000 hoặc quy hoạch nông thôn mới đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì căn cứ quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để xem xét giải quyết.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân thuộc chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố

hoặc khi thừa kế thì giải quyết như sau: UBND quận, huyện căn cứ quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật đô thị, điều kiện để hợp khối, cảnh quan khu vực và quy chuẩn xây dựng để giải quyết, nhưng diện tích tối thiểu của thửa đất hình thành không nhỏ hơn 25 m².

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại
www.hochiminhcity.gov.vn)

Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp: Thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 mà giấy tờ quyền sử dụng đất không ghi rõ diện tích đất ở; đất chuyển từ xã về phường, thị trấn do điều chỉnh địa giới hành chính mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất

Ngày 22/10/2014, UBND tỉnh Tuyên Quang đã có Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp: Thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 mà giấy tờ quyền sử dụng đất không ghi rõ diện tích đất ở; đất chuyển từ xã về phường, thị trấn do điều chỉnh địa giới hành chính mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Quy định này quy định hạn mức công nhận đất ở đối với thửa đất ở có vườn, ao được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện tích đất ở. Cụ thể, đối với hộ gia đình có từ 1 đến 4 nhân khẩu thì diện tích đất ở được công nhận bằng hạn mức giao đất ở

mới theo quy định của UBND tỉnh nhưng không vượt quá diện tích thửa đất đang sử dụng. Cụ thể, đối với đất ở tại đô thị, diện tích đất ở được công nhận cho mỗi gia đình là 120 m²; đối với đất ở nông thôn tại các vị trí đất tiếp giáp với các trục đường giao thông chính (đường quốc lộ, tỉnh lộ), đất tại khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, khu trung tâm xã hoặc cụm xã theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt, diện tích đất ở được công nhận cho mỗi hộ gia đình là 200 m²; đối với đất ở tại nông thôn không thuộc các vị trí quy định trên, diện tích đất ở được công nhận cho mỗi hộ gia đình là 400 m². Hộ gia đình có trên 4 nhân khẩu thì từ nhân khẩu thứ năm trở lên cứ mỗi khẩu tăng thêm được tính thêm diện tích đất ở bằng 1/4 hạn mức công nhận đất ở tương ứng trong khu vực quy định. Diện tích đất ở thực tế đang sử dụng vượt hạn mức quy định

mà có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được công nhận là đất ở theo hiện trạng sử dụng nhưng hộ gia đình phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Đối với thửa đất ở có vườn, ao tại các xã chuyển thành phường hoặc thôn từ xã sáp nhập vào phường, thị trấn do điều chỉnh địa giới hành chính sau ngày 15/10/1993 mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Quy định này và chưa được cấp Giấy chứng nhận, diện tích công nhận đất ở được xác định theo hiện trạng đang sử dụng làm đất ở của từng hộ gia đình, cá nhân nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở mới tại nông thôn theo quy định của UBND tỉnh. Cụ thể, không quá 200 m² đối với thửa đất có vị trí tiếp giáp với trục đường giao thông chính (đường quốc lộ, tỉnh lộ); đất tại khu du lịch, khu thương mại, khu công nghiệp, khu trung tâm xã hoặc cụm xã theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; không quá 400 m² đối với thửa đất không thuộc các vị trí theo quy định nêu trên. Trường hợp

diện tích đất ở thực tế hộ gia đình đang sử dụng nhỏ hơn 120 m² thì diện tích đất ở được công nhận là 120 m², nhưng không vượt quá diện tích thửa đất đang sử dụng. Trường hợp đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993 mà diện tích đất ở đô thị được xác định theo số lượng nhân khẩu của hộ gia đình lớn hơn diện tích đất ở xác định theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì diện tích đất ở được công nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy định này, nhưng không vượt quá diện tích thửa đất đang sử dụng.

Diện tích đất ở thực tế hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng vượt hạn mức quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này mà có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được công nhận là đất ở theo hiện trạng sử dụng, nhưng hộ gia đình, cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2014.

(Xem toàn văn tại
www.tuyenquang.gov.vn)

Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định một số trường hợp cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Ngày 27/10/2014, UBND tỉnh Hưng Yên đã có Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ban hành Quy định một số trường hợp cụ thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Theo Quy định này, việc phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đang đồng quyền sử dụng đất được thực hiện như sau: Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất được hưởng tiền bồi thường về đất tự thỏa thuận được với nhau thì lập giấy ủy quyền cho

một người đại diện nhận tiền bồi thường có xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) nơi có đất bị thu hồi. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường chi trả tiền bồi thường cho người đại diện được ủy quyền của đồng quyền sử dụng đất. Trường hợp các đối tượng đồng quyền sử dụng đất được hưởng tiền bồi thường về đất không tự thỏa thuận được với nhau thì giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. Trong thời gian chờ kết quả giải quyết thì số tiền bồi thường về đất được tổ chức làm nhiệm vụ

vụ bồi thường gửi vào tài khoản kho bạc nhà nước và các đối tượng đồng quyền sử dụng đất vẫn phải bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường để thực hiện dự án.

Căn cứ vào tình hình thực tế của từng dự án cụ thể, UBND các huyện, thành phố tổng hợp, đề xuất gửi Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định đối với các trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh.

Đất nông nghiệp còn lại không đủ điều kiện sản xuất thì chủ đầu tư phối hợp với UBND cấp huyện khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân chuyển nhượng cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất liền kề, hoặc đề nghị UBND cấp có thẩm quyền thu hồi diện tích còn lại. Việc bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo quy định. Trường hợp đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được giao theo Nghị quyết số 03/NQ-TU ngày 27/4/1992 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hải Hưng, nếu diện tích thực tế nhỏ hơn so với giấy tờ, nhưng do nguyên nhân trước đây giao ruộng thiếu chính xác, mà phạm vi thu hồi đất có những hộ gia đình sử dụng thừa diện tích so với giấy tờ về quyền sử dụng đất thì khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho phép UBND cấp xã được điều chỉnh phần diện tích thừa của các hộ gia đình để cân đối cho các hộ gia đình thiếu nhưng không vượt quá diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở do được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng tiền, giá trị bồi thường tính bằng đơn giá thuê đất phi nông nghiệp tại thời điểm thu hồi đất nhân với diện tích đất bị thu hồi tính cho cả thời gian thuê đất còn lại của đất đã thu hồi. Đối với trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn

bộ diện tích thửa đất hoặc một phần diện tích thửa đất mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng thì hộ gia đình, cá nhân được bố trí đất ở tái định cư. Căn cứ vào quỹ đất tái định cư, điều kiện cụ thể của từng địa phương, UBND cấp huyện xem xét, quyết định giao đất ở tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân. Diện tích đất ở giao tái định cư tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn theo quy định hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định.

Việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ được thực hiện như sau: Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền theo mức thiệt hại thực tế. Mức bồi thường, hỗ trợ tính trên diện tích đất thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất. Cụ thể, diện tích đất đủ điều kiện bồi thường, do hạn chế khả năng sử dụng của đất thì được bồi thường bằng 50% giá đất cùng mục đích sử dụng theo vị trí, loại đất hợp pháp. Diện tích đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, do hạn chế khả năng sử dụng thì được hỗ trợ, mức hỗ trợ bằng 30% giá đất cùng mục đích sử dụng theo vị trí, loại đất hợp pháp.

Về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản, Quy định này quy định: Tài sản gắn liền với đất ở khi Nhà nước thu hồi đất mà đất đó không đủ điều kiện được bồi thường thì được hỗ trợ như sau: Tài sản của hộ gia đình, cá nhân được xây dựng trước khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, tại thời điểm xây dựng không trái với mục đích sử dụng đất thì được hỗ trợ 100% mức bồi thường; tài sản của hộ gia đình, cá nhân xây dựng sau khi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, nhưng chưa có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì được hỗ trợ chi phí phá dỡ, di chuyển (mức hỗ trợ là 30% đơn giá bồi thường, đã trừ khấu hao theo quy định). Tài sản gắn liền với đất được tạo lập sau khi có thông báo thu

hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được công bố thì không được bồi thường, hỗ trợ và chủ hộ phải tự phá dỡ tài sản, nếu không tự phá dỡ thì phải chịu mọi chi phí khi cơ quan nhà nước tổ chức cưỡng chế.

Về bồi thường, hỗ trợ công trình hạ tầng kỹ thuật, mức chi phí bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của công trình có kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với công trình cần di dời. (Công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương là công trình có quy mô, kết cấu và tính năng kỹ thuật giống như hiện trạng công trình cần di dời; giá trị xây dựng mới là toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng công trình có kết cấu, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương và được xác định theo giá hiện hành tại thời điểm thẩm định xét duyệt phương án bồi thường.) Công trình hoặc các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật có thể tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại và tiếp tục sử dụng được thì chỉ hỗ trợ chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, mức hỗ trợ là 20% so với giá trị mới. Các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật không còn sử dụng được hoặc thực tế không sử dụng thì không được bồi thường.

Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất mà bị tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì ngoài việc được bồi thường bằng tổng giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại còn được cộng thêm một khoản tiền là 30% theo giá trị hiện có của nhà, công trình nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì áp dụng đơn giá xây dựng công trình cụ thể bằng cách lập dự toán xây dựng công trình tại thời điểm xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định, báo cáo Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại www.hungyen.gov.vn)

Hội thảo “Xây dựng bộ chỉ số đô thị thịnh vượng”

Ngày 12/11/2014 tại trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) phối hợp với Chương trình Định cư con người Liên hợp quốc (UN-Habitat) tổ chức Hội thảo “Xây dựng bộ chỉ số đô thị thịnh vượng” nhằm chia sẻ và cập nhật những kiến thức cũng như kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng hệ thống chỉ số đô thị nói chung và chỉ số đô thị thịnh vượng nói riêng. Đây cũng là hoạt động thiết thực chào mừng Ngày đô thị Việt Nam. Hội thảo có sự tham dự của đông đảo đại biểu đến từ các Bộ, ngành liên quan và các Cục, Vụ chức năng Bộ Xây dựng; các chuyên gia cấp cao của UN-Habitat; các thành viên Diễn đàn đô thị Việt Nam; đại diện các Hội, Hiệp hội chuyên ngành; đại diện các cơ quan nghiên cứu, các tổ chức trong nước và quốc tế có cùng quan tâm.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục phát triển đô thị (Bộ Xây dựng) cho biết: Cùng với những biến chuyển kinh tế - xã hội sâu sắc, tốc độ đô thị hóa nhanh chóng của nước ta những năm qua là một tín hiệu đáng mừng, các đô thị Việt Nam đang phải đối mặt với rất nhiều thách thức như: dân số đông, thu nhập thấp, đất đai hạn chế, phân bố đô thị không đồng đều... Nhìn chung, các đô thị Việt Nam phát triển chưa theo quy hoạch và kế hoạch, thiếu bản sắc đô thị. Trong bối cảnh đó, phát triển đô thị và quản lý phát triển đô thị có ý nghĩa rất quan trọng.

Một trong những nhiệm vụ cấp thiết phục vụ quản lý phát triển đô thị, giúp đưa ra những quyết sách đúng đắn về phát triển đô thị, định hướng và kiểm soát sự phát triển đô thị chính là cung cấp đầy đủ và kịp thời các cơ sở dữ liệu để phân tích đánh giá chất lượng phát triển. Đó là mục tiêu của việc xây dựng bộ chỉ số đô thị. Trong hợp phần dự án với Bộ Xây dựng, UN-Habitat sẽ hỗ trợ Bộ tiến hành đánh giá, nâng cấp chỉnh sửa lồng ghép bộ chỉ số đô thị vào hệ



Ông Đỗ Viết Chiến - Cục trưởng Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng phát biểu khai mạc

thống chỉ tiêu thống kê Bộ Xây dựng, đáp ứng tối đa sự phát triển bền vững, mục tiêu phát triển thiên niên kỷ và mục tiêu phát triển quốc gia. Thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, ông Đỗ Viết Chiến chân thành cảm ơn UN-Habitat, các Bộ, ngành TW, các tổ chức trong nước và quốc tế đã tích cực hỗ trợ và hợp tác với Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng thực hiện Dự án Bộ chỉ số đô thị phục vụ công tác quản lý và đánh giá phát triển đối với hệ thống đô thị trong toàn quốc và trong từng vùng, từng tỉnh.

Bài tham luận tổng quan về Chỉ số đô thị thịnh vượng, các kinh nghiệm quốc tế của ông Eduardo Lopez Moreno - Chuyên gia cấp cao Văn phòng TW UN-Habitat đã giới thiệu tới Hội thảo những xu hướng đô thị chính trên toàn cầu, qua đó khẳng định tính cấp thiết của việc đo lường sự phát triển đô thị bền vững. Các đô thị luôn đóng vai trò chủ đạo trong việc mang lại sự thịnh vượng cho mỗi quốc gia. Thông qua sự phát triển của một số đô thị tại các nước đang phát triển như Cairo (Ai Cập); Nairobi (Kenya), Lima (Peru), Guadalajara (Mexico), kinh nghiệm phát triển đô thị bền vững, cũng như khái niệm về sự thịnh vượng của các đô thị được đúc kết – đó là khả năng thúc đẩy tạo công ăn việc làm tại địa phương, giảm thiểu rủi ro thiên tai và những tổn thương, thích ứng và tự

phục hồi đối với thiên tai, và khả năng nhận thức tầm quan trọng của không gian công cộng. Theo ông E.Moreno, để “lượng hóa” các tiêu chí trên đây, UN-Habitat đã đưa ra các chỉ số đô thị thịnh vượng (CPI). Đây là một chỉ số đa chiều (năng suất, chất lượng cuộc sống, cơ sở hạ tầng, bền vững về môi trường, công bằng và hòa nhập xã hội) thể hiện tính bền vững, sự thịnh vượng của một đô thị. CPI hướng tới việc tạo ra một lượng lớn dữ liệu và thống kê đô thị, nhằm giúp các nhà quản lý nhận thức rõ các tác nhân tạo ra hoặc hạn chế sự thịnh vượng, từ đó đề ra những chính sách và có hoạt động phù hợp, xây dựng một tầm nhìn mới và khung quy hoạch chiến lược cho tương lai đô thị bền vững dựa trên CPI.

Đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện xây dựng chỉ số đô thị tại Việt Nam, bên cạnh việc thống kê hệ thống chỉ tiêu phát triển đô thị Việt Nam theo các quy định trong Nghị định 42/2009/NĐ-CP về việc Phân loại đô thị, Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, ông Nguyễn Cường (Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng - điều phối viên của Dự án) đã phân tích khá kỹ lợi ích cho các thành phố Việt Nam khi ứng dụng CPI trong xây dựng kế hoạch chiến lược và giải pháp quy hoạch đô thị. CPI tích hợp

thông tin rất cụ thể về mỗi thành phố - tuổi thọ, tỷ lệ đói nghèo, tỷ lệ thất nghiệp, chiều dài của giao thông công cộng, đa dạng sử dụng đất, tỷ lệ khu ổ chuột..., lồng ghép các chỉ số bắt nguồn từ các chính sách và hành động của địa phương, đánh giá hiệu quả các thay đổi và kết quả, từ đó địa phương sẽ có đầy đủ thông tin làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách toàn diện. Ông cũng đưa ra các kết quả dự kiến của dự án: Công cụ CPI phù hợp với yêu cầu của các thành phố Việt Nam; các chỉ số và chỉ số tổng hợp được điều chỉnh phù hợp với bối cảnh địa phương/ quốc gia; cơ sở dữ liệu theo các khía cạnh thịnh vượng và cơ sở dữ liệu không gian của các địa phương/ quốc gia sẽ được thiết lập.

Thông qua các tham luận và phần thảo luận trong Hội thảo, các đại biểu đã cập nhật nhiều nội dung và thông tin hữu ích cho thực tế quản lý và phát triển đô thị tại Việt Nam; đồng thời đưa ra khuyến nghị xây dựng các chính sách, xây dựng bộ chỉ số đô thị thịnh vượng, hướng tới các đô thị Việt Nam phát triển bền vững, có bản sắc. Cũng tại Hội thảo, đại diện UN-Habitat đã giới thiệu ấn phẩm “Hồ sơ các thành phố”, và trao tặng cho đại diện một số đô thị và Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Đồng Xoài là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bình Phước

Ngày 14/11/2014, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị xã Đồng Xoài là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bình Phước. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định nâng loại đô thị quốc gia - đại diện Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành hữu quan; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Đại diện cho địa phương tham dự Hội nghị có ông Nguyễn Văn Trăm - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước;

đại diện các Sở, ngành của tỉnh Bình Phước và lãnh đạo thị xã Đồng Xoài. Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị.

Báo cáo về Đề án đề nghị công nhận thị xã Đồng Xoài là đô thị loại III, đại diện lãnh đạo UBND thị xã nhấn mạnh vị trí địa lý và vai trò chức năng của thị xã Đồng Xoài. Theo đó, Đồng Xoài là một đô thị trung tâm tổng hợp cấp tỉnh, trung tâm hành chính - chính trị - kinh tế -

văn hóa - an ninh quốc phòng của tỉnh Bình Phước. Nằm tại giao điểm các trục hành lang kinh tế - đô thị vùng và quốc gia (Quốc lộ 14, đường Hồ Chí Minh, Tỉnh lộ 741), Đồng Xoài có sự kết nối vô cùng thuận lợi với các vùng kinh tế của tỉnh Bình Phước (thị xã Phước Long, Khu Kinh tế cửa khẩu Hoa Lu); kết nối với các vùng kinh tế phát triển Tây Nguyên và Tp. Hồ Chí Minh; liên kết với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam... Do đó, Đồng Xoài là địa bàn có tiềm năng phát triển kinh tế năng động.

Qua 17 năm thực hiện Đồ án quy hoạch chung đô thị Đồng Xoài được phê duyệt năm 1997, và 15 năm kể từ ngày được công nhận là đô thị loại IV, Đồng Xoài đã giành được những thành tựu quan trọng trong đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, phát triển kinh tế - xã hội: Tăng trưởng kinh tế trung bình của thị xã 3 năm gần đây đạt 16,77%; thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 41,7 triệu đồng/người - gấp 1,6 lần so với mức bình quân trên cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Các khu công nghiệp Đồng Xoài I và II trên địa bàn đã có 7 dự án đi vào hoạt động, với ngành nghề chủ yếu là phát triển các sản phẩm truyền thống của địa phương (chế biến hạt điều, may mặc, đồ mộc, đá cây...). Khu công nghiệp Đồng Xoài III và IV đang được hoàn chỉnh hạ tầng và thu hút đầu tư. Diện mạo đô thị Đồng Xoài hiện nay có nhiều khởi sắc theo hướng văn minh, hiện đại, với nhiều công trình mới như Trung tâm văn hóa tỉnh, Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao thị xã, Bảo tàng tỉnh, Nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh, Đài phát thanh truyền hình tỉnh, Trung tâm Siêu thị thương mại thị xã, Trung tâm thương mại ITC Đồng Xoài và nhiều cơ sở y tế - giáo dục hiện đại cấp tỉnh và thị xã...

Theo đại diện lãnh đạo thị xã Đồng Xoài, cho đến nay, thị xã Đồng Xoài đã cơ bản đáp ứng các tiêu chí của đô thị loại III theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị thẩm định

số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP về phân loại đô thị. Việc công nhận thị xã Đồng Xoài là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bình Phước hoàn toàn phù hợp với các định hướng, chủ trương của Nhà nước và của tỉnh Bình Phước liên quan tới việc phát triển hệ thống đô thị quốc gia và hệ thống đô thị của tỉnh, đồng thời là sự ghi nhận nỗ lực không ngừng của thị xã trên chặng đường hiện thực hóa các Quyết định của UBND tỉnh - Quyết định số 2063/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án nâng cấp đô thị Đồng Xoài đạt một số tiêu chí của đô thị loại III giai đoạn 2011 - 2015, và Quyết định số 2241/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh, mở rộng quy hoạch chung xây dựng thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước đến năm 2025.

Tại Hội nghị, các thành viên Hội đồng thẩm định đều đánh giá cao những thành tích Đồng Xoài đã đạt được trên chặng đường phấn đấu trở thành đô thị loại III, với nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mức quy định, như các chỉ tiêu về kinh tế xã hội, nhà ở và công trình công cộng... Tuy nhiên, theo Báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng), thị xã còn tới 5 chỉ tiêu chưa đạt (tuyến phố văn minh đô thị, nhà tang lễ...) và 9 chỉ tiêu mới đạt ở mức thấp. Để địa phương có cơ sở hoàn thiện Đề án, các thành viên Hội đồng đã đóng góp một số ý kiến thiết thực về công tác chỉnh trang đô thị, công

tác quản lý quy hoạch kiến trúc trên địa bàn, các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu...

Phát biểu kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng thẩm định - Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn nhất trí với các thành viên Hội đồng, công nhận thị xã Đồng Xoài là đô thị loại III trực thuộc tỉnh Bình Phước với số điểm trung bình 82,53 điểm. Thứ trưởng lưu ý: Theo các quy định trong Nghị định 11/2003/NĐ-CP về quản lý chương trình phát triển đô thị, thời gian tới đây, Bộ Xây dựng sẽ chặt chẽ hơn trong việc thẩm

định các Đề án nâng loại đô thị. Do đó, UBND tỉnh Bình Phước và thị xã Đồng Xoài cần nhanh chóng xác định lộ trình phát triển, tập trung ưu tiên đầu tư - đặc biệt đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, khắc phục các tiêu chí còn đạt thấp và chưa đạt, nhằm nâng cao chất lượng đô thị và cải thiện cuộc sống của người dân sau khi thị xã được nâng loại, đảm bảo sự phát triển bền vững của thị xã trong tương lai.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Thịnh Long (tỉnh Nam Định) là đô thị loại IV

Ngày 13/11/2014 tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Thịnh Long, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định là đô thị loại IV. Tham dự Hội nghị có các thành viên của Hội đồng thẩm định - đại diện các Bộ, ngành Trung ương và các Hội, Hiệp hội chuyên ngành. Đại diện lãnh đạo địa phương có ông Vũ Viết Thiệu - Giám đốc Sở Xây dựng, ông Nguyễn Văn Tim - Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu và ông Lê Công Sản - Chủ tịch UBND thị trấn Thịnh Long. Được ủy quyền của lãnh đạo Bộ Xây dựng, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị (PTĐT) Đỗ Viết Chiến chủ trì Hội nghị.

Trình bày tóm tắt nội dung, lý do và sự cần thiết lập Đề án, Chủ tịch UBND huyện Hải Hậu Nguyễn Văn Tim cho biết: thị trấn Thịnh Long có vai trò là trung tâm phát triển phía Nam của tỉnh Nam Định, là trọng điểm kinh tế - du lịch của huyện Hải Hậu và của tỉnh Nam Định. Với vị trí địa lý thuận lợi - phía Nam giáp biển Đông, phía Tây là sông Ninh Cơ, cách thành phố Nam Định 60 km theo trục Quốc lộ 21, thị trấn Thịnh Long giữ vai trò là đầu mối giao thông đường bộ cấp tỉnh, cấp vùng, đầu mối giao thông đường thủy nội địa với cảng sông và cảng biển nước sâu quốc gia Thịnh Long. Bên cạnh đó, Khu kinh tế Ninh Cơ (tỉnh Nam Định) - bao gồm cả



Toàn cảnh Hội nghị thẩm định

thị trấn Thịnh Long - đã được đưa vào Quy hoạch tổng thể phát triển các khu kinh tế ven biển Việt Nam đến năm 2020 theo Quyết định số 1353/QĐ-TTg ngày 23/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ - tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nam Định nói chung và thị trấn Thịnh Long nói riêng

Thực hiện chủ trương của tỉnh Nam Định là phát triển thị trấn Thịnh Long từ đô thị loại V lên loại IV, với du lịch biển là ngành kinh tế mũi nhọn, hướng tới xây dựng Thịnh Long thành thị xã trực thuộc tỉnh trong tương lai không xa, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thị trấn đã không ngừng nỗ lực trong những năm qua và thu được nhiều thành tựu đáng khích lệ: Tăng trưởng kinh tế bình quân 3 năm gần đây đạt

11,82%; tỷ lệ các hộ nghèo khu vực dân cư tập trung là 3%; thu nhập bình quân đầu người năm 2013 bằng 0,84 lần so với mức bình quân của cả nước; diện mạo thị trấn thay đổi theo hướng tích cực. Đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, thị trấn Thịnh Long đã hội tụ đủ điều kiện để được xét công nhận là đô thị loại IV. Việc nâng loại cho thị trấn Thịnh Long thành đô thị loại IV sẽ tạo cho thị trấn động lực mới, góp phần tác động tới sự phát triển chung của tỉnh Nam Định và cả vùng duyên hải Bắc Bộ.

Tại Hội nghị, các thành viên của Hội đồng thẩm định đã nghe các báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị, báo cáo phản biện của Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng, và đóng góp ý kiến cho Đề án. Các thành viên Hội đồng thẩm định mong muốn lãnh đạo địa phương xác định rõ hơn định hướng phát triển của Thịnh Long trong những năm tới và có những giải pháp cụ thể cho phát triển ngành kinh tế chủ đạo là du lịch và kinh tế biển, phát triển ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản theo hướng sinh thái và bền vững, phát triển công nghiệp chế

biến thủy, hải sản, tránh sự tác động của phát triển công nghiệp đến môi trường trên địa bàn... Bên cạnh đó, các thành viên của Hội đồng thẩm định cũng đề nghị trong Đề án cần thể hiện rõ hơn những giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho thị trấn Thịnh Long.

Đồng tình với các ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và các chuyên gia phản biện, Cục trưởng Cục Phát triển đô thị Đỗ Viết Chiến đánh giá cao nỗ lực của địa phương trong 17 năm qua khi xây dựng thị trấn Thịnh Long từ một vùng nông thôn kém phát triển trở thành một đô thị như hiện nay. Cục trưởng Đỗ Viết Chiến đề nghị lãnh đạo tỉnh Nam Định, huyện Hải Hậu và thị trấn Thịnh Long tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng, nhanh có giải pháp cụ thể để khắc phục những tiêu chí còn chưa đạt hoặc đã đạt nhưng ở mức độ trung bình để phát triển Thịnh Long xứng tầm là một đô thị động lực trong cụm kinh tế phía Nam của tỉnh Nam Định.

Đề án đề nghị công nhận thị trấn Thịnh Long là đô thị loại IV đã được Hội đồng bỏ phiếu thông qua để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận.

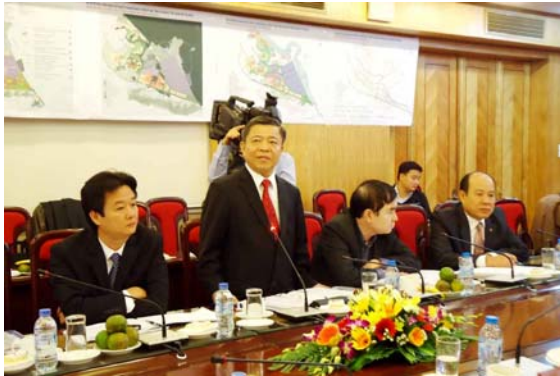
Lệ Minh

Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Kỳ Anh mở rộng là đô thị loại IV

Ngày 18/11/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đã chủ trì Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Kỳ Anh mở rộng (huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh) là đô thị loại IV. Tham dự Hội nghị, đại diện cho chính quyền địa phương có ông Võ Kim Cự - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh; lãnh đạo UBND huyện Kỳ Anh. Hội nghị còn có sự tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định đến từ các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội

chuyên ngành.

Báo cáo tóm tắt nội dung, lý do và sự cần thiết lập Đề án, ông Trần Bá Hà - Phó trưởng ban chỉ đạo, Trưởng ban chuyên trách thành lập thị xã mới cho biết, thị trấn Kỳ Anh là thị trấn huyện lỵ của huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Xuất phát từ một huyện nghèo nhất của tỉnh Hà Tĩnh, tới nay, được sự quan tâm đầu tư của Trung ương và tỉnh, huyện Kỳ Anh đã từng bước phát triển năng động, giành được thành tựu vượt bậc về các mặt kinh tế - xã hội, với Khu kinh tế



Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh Võ Kim Cự phát biểu tại Hội nghị

(KKT) Vũng Áng trên địa bàn huyện là một trong 5 KKT trọng điểm ven biển đã được Chính phủ lựa chọn để đầu tư xây dựng. Thị trấn Kỳ Anh mở rộng gồm thị trấn hiện hữu và 5 xã thuộc KKT Vũng Áng (Kỳ Long, Kỳ Liên, Kỳ Phương, Kỳ Trinh, Kỳ Thịnh) với tổng diện tích hơn 16 nghìn ha. Việc nâng loại đô thị cho thị trấn Kỳ Anh mở rộng sẽ tạo động lực phát triển cho khu vực phía Nam của tỉnh Hà Tĩnh, tạo tiền đề thuận lợi để thị trấn tiếp tục được đầu tư xây dựng, phát triển thành thị xã trong tương lai không xa, theo tinh thần Quyết định số 1876/QĐ-TTg ngày 27/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2050 (trong đó định hướng phát triển thị trấn Kỳ Anh mở rộng thành thị xã công nghiệp với những ngành mũi nhọn là luyện thép, nhiệt điện, hóa dầu); và Quyết định số 830/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 2/6/2014 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình đến năm 2030 (đến năm 2020 sẽ phát triển địa bàn thành đô thị loại III, thành một trong hai đô thị tăng trưởng mạnh nhất tỉnh, tạo trục nối liền kết 03 đô thị lớn trong tỉnh dọc quốc lộ 1A) .

Bên cạnh đó, việc nâng loại cho thị trấn Kỳ Anh mở rộng thể hiện sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với nỗ lực và những thành tựu to lớn mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương đạt được những năm qua, với nhiều chỉ



Thủ trưởng Phan Thị Mỹ Linh kết luận Hội nghị tiêu khá ấn tượng so với mức quy định của một đô thị loại IV: mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần đây đạt 20,87%; GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt 1.250 USD - bằng 0,64 lần so với cả nước; cơ cấu kinh tế chuyển dịch rất tích cực theo hướng công nghiệp hóa. Nhiều dự án trọng điểm được quan tâm đầu tư trên địa bàn như nhà máy cán thép của Tập đoàn Formosa, nhà máy lọc hóa dầu, khu công nghiệp nặng, nhà máy thép Thạch Khê, khu đô thị trung tâm, Trung tâm thể dục thể thao và Công viên... Đối chiếu với các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP, thị trấn Kỳ Anh mở rộng hội tụ đủ điều kiện để xét công nhận là đô thị loại IV.

Báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị, báo cáo phản biện của Bộ Nội vụ, các ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng đều nhất trí thông qua Đề án. Hội đồng cũng thảo luận cùng địa phương một số vấn đề, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: Song song với sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, sự phát triển các ngành công nghiệp nặng của KKT Vũng Áng, chính quyền địa phương cần quan tâm tới việc bảo vệ môi trường, củng cố an ninh quốc phòng. Với đặc thù nằm trong KKT - nơi thu hút đông người lao động đến từ các địa phương khác nhau, nên việc chăm lo nâng cao đời sống

tin thần cho người dân, chú trọng đầu tư cải thiện hạ tầng xã hội cũng được nhiều thành viên Hội đồng đề cập tới trong Hội nghị.

Kết luận cuộc họp, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh hoàn toàn đồng tình với các ý kiến của Hội đồng, công nhận thị trấn Kỳ Anh mở rộng là đô thị loại IV, với điểm số trung bình 85,5 điểm. Đánh giá cao công tác đầu tư phát triển và tốc độ phát triển của địa phương, Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh đề nghị UBND tỉnh, huyện và thị trấn cần nhanh chóng xây dựng chương trình phát triển đô thị phù hợp với vai trò, chức năng của thị trấn Kỳ Anh mở rộng trên tinh thần các quy định trong Nghị định 11/2013/NĐ-CP về quản lý phát triển đô thị, từ đó mới có căn cứ xác định các dự án ưu tiên, và có cơ sở vững chắc để thực hiện quản lý quy hoạch sau khi Kỳ Anh được nâng loại.

Trân trọng ghi nhận tình cảm và các ý kiến tâm huyết của toàn thể Hội đồng, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh Võ Kim Cự cam kết địa phương sẽ nỗ lực hết sức, nắm bắt mọi thời cơ

và cơ hội vươn lên, xây dựng Kỳ Anh trở thành thành phố công nghiệp trong tương lai, xứng đáng với vai trò đô thị động lực phát triển kinh tế xã hội phía Nam tỉnh Hà Tĩnh. Ông cho biết: Để khắc phục một số chỉ tiêu đạt thấp và chưa đạt trong Đề án, hướng tới sự phát triển bền vững của Kỳ Anh sau khi được nâng loại cũng như trong tương lai xa hơn, tỉnh sẽ tích cực đẩy mạnh các hoạt động tổng hợp và khảo sát các dự án vay vốn việc làm, đơn đốc các chương trình giảm nghèo, chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em, đẩy mạnh công tác y tế - dân số trên địa bàn, nâng cao công tác vệ sinh môi trường - an sinh xã hội, ưu tiên sử dụng các nguồn vốn ODA và vốn trái phiếu Chính phủ cho nâng cấp, xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải và một số công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khác kịp bước với quá trình đô thị hóa.

Lệ Minh

Hội nghị thẩm định đề án đề nghị công nhận thị trấn Đăk Mil là đô thị loại IV

Ngày 21/11/2014, tại cơ quan Bộ Xây dựng, Hội nghị thẩm định Đề án đề nghị công nhận thị trấn Đăk Mil (huyện Đăk Mil - tỉnh Đăk Nông) là đô thị loại IV đã diễn ra dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh. Tham dự Hội nghị có ông Lê Diễm - Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông; lãnh đạo Sở Xây dựng tỉnh; lãnh đạo UBND huyện Đăk Mil. Hội nghị có sự tham gia của các thành viên Hội đồng thẩm định là đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành và các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Xây dựng.

Báo cáo tóm tắt nội dung, lý do và sự cần thiết lập Đề án, đại diện UBND huyện Đăk Mil cho biết: Đăk Mil nằm ở phía Bắc tỉnh Đăk Nông, cách thị xã Gia Nghĩa 65 km. Thị trấn Đăk Mil thành lập ngày 19/8/1989 (thời điểm đó



Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh chủ trì Hội nghị

trực thuộc tỉnh Đăk Lăk. Sau khi tách tỉnh Đăk Lăk thành 02 tỉnh Đăk Lăk và Đăk Nông vào năm 2004, Đăk Mil trực thuộc tỉnh Đăk Nông) và là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội - khoa học - kỹ thuật của huyện Đăk Mil. Đây là một trong những đô thị lâu đời nhất của

tỉnh, với bề dày lịch sử đáng tự hào. Nơi đây còn lưu dấu tích hào hùng của dân tộc những năm kháng chiến chống Mỹ oanh liệt, với nhà ngục Đắk Mil (Di tích lịch sử cách mạng cấp quốc gia), với những huyền thoại về cửa ngõ vào thành phố Buôn Mê Thuột, góp phần làm nên chiến thắng Buôn Mê Thuột oanh liệt năm xưa. Thị trấn nằm trên giao lộ của Quốc lộ 14 và 14C, tỉnh lộ 682 và 683, kết nối thuận lợi với cảng hàng không Buôn Mê Thuột và các trung tâm kinh tế khác trong tiểu vùng kinh tế phía Bắc tỉnh Đắk Nông, với các tiểu vùng khác của tỉnh, và với toàn vùng Tây Nguyên. Qua 25 năm thành lập và phát triển, thị trấn Đắk Mil đã xây dựng được các quy hoạch, định hướng phát triển cũng như xác định tầm nhìn của đô thị trong tương lai và đạt nhiều kết quả tích cực, khẳng định rõ vị thế, vai trò quan trọng của thị trấn trong tỉnh Đắk Nông và vùng Tây Nguyên. Mức tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2009 - 2011 đạt 10,9%. Thu nhập bình quân trên đầu người đạt 32 triệu đồng/người (bằng 0,86 lần so với cả nước). Tỷ lệ hộ nghèo năm 2011 chỉ còn 2,85%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực; tỷ trọng các ngành thương mại dịch vụ - công nghiệp & tiểu thủ công nghiệp - nông nghiệp lần lượt là 58%, 38% và 4%. Được sự quan tâm của chính quyền TW và địa phương, thị trấn đã được đầu tư xây dựng khá bài bản, hệ thống điện chiếu sáng thị trấn, các đường trục cơ bản được nâng cấp chỉnh trang; nhiều công trình được xây mới như Hoa viên người cao tuổi, Hoa viên Hồ Tây giai đoạn 2, Nhà thể dục thể thao huyện, trụ sở Huyện ủy... tạo bộ mặt khang trang cho thị trấn. Về cơ bản, thị trấn Đắk Mil đã đáp ứng được các tiêu chí của đô thị loại IV, căn cứ theo Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 7/5/2009 của Chính phủ về việc Phân loại đô thị và Thông tư số 34/2009/TT-BXD ngày 30/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 42/2009/NĐ-CP. Việc phát triển thị trấn Đắk Mil hoàn toàn phù hợp với định

hướng phát triển hệ thống đô thị của tỉnh và quốc gia (Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Đắk Mil đến năm 2020, và Quy hoạch chung xây dựng đô thị Đắk Mil đến năm 2030 đều xác định rõ: cho tới năm 2015 phấn đấu nâng cấp Đắk Mil thành đô thị loại IV, tiến tới thành lập thị xã, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng trung tâm tiểu vùng phía Bắc tỉnh Đắk Nông).

Các thành viên Hội đồng đều đánh giá Đề án nhìn chung đáp ứng tốt các mục tiêu nhiệm vụ quy hoạch đề ra. Bên cạnh đó, các thành viên Hội đồng cũng đóng góp nhiều ý kiến thiết thực để UBND tỉnh và huyện nghiên cứu, có những giải pháp cụ thể tận dụng thế mạnh sẵn có của địa phương (là vùng đất của những lễ hội văn hóa dân gian đặc trưng vùng Tây Nguyên với không gian kiến trúc văn hóa giàu bản sắc; có đặc sản cà phê khá nổi tiếng) để phát triển du lịch, thương mại và tiểu thủ công nghiệp (chế biến cây công nghiệp, chế biến lâm sản); góp phần cải thiện bộ mặt đô thị, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân. Một số địa điểm có tiềm năng du lịch như khu bán đảo Hồ Tây, nhà ngục Đắk Mil, khu đồi thông... tỉnh và huyện nên có chính sách cụ thể, đầu tư phát triển thành vùng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và khu bảo tồn thiên nhiên. “Xanh hóa” kết hợp với các công trình vừa hiện đại, vừa có dấu ấn riêng sẽ tạo nét riêng biệt cho một đô thị miền sơn cước. Theo báo cáo thẩm định của Cục Phát triển đô thị - Bộ Xây dựng, ngoài các chỉ tiêu đạt mức khá cao so với chuẩn đô thị loại IV, trong Đề án vẫn còn nhiều chỉ tiêu đạt thấp và chưa đạt, và có 6 chỉ tiêu cần áp dụng điều kiện là đô thị vùng cao. Do đó, UBND tỉnh và huyện cần có lộ trình cụ thể khắc phục các mặt chưa đạt, vì sự phát triển bền vững của Đắk Mil sau khi được nâng loại.

Kết luận Hội nghị, Chủ tịch Hội đồng Thẩm định - Thứ trưởng Phan Thị Mỹ Linh bày tỏ sự nhất trí hoàn toàn với các ý kiến của Hội đồng,

công nhận thị trấn Đắk Mil đủ điều kiện trở thành đô thị loại IV, với điểm số trung bình 82,76 điểm. Thứ trưởng lưu ý tỉnh và thị trấn cần chú trọng hơn nữa tới chất lượng đô thị; thiết lập các không gian công cộng, khu vui chơi giải trí, những công trình điểm nhấn của địa phương... để sau khi được nâng loại, cuộc sống người dân thực sự chất lượng hơn. Nhấn mạnh vai trò cũng như vị trí đặc thù của Đắk Mil trong sự phát triển kinh tế xã hội chung của toàn tỉnh, Thứ trưởng đề nghị địa phương hết sức quan tâm tới việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Với một

địa bàn mà quỹ đất nông nghiệp chiếm tới một nửa diện tích, trong đó 96% dành cho trồng cà phê, việc cân đối tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương là cần thiết, và cần tập trung làm thật tốt theo đúng định hướng. Thứ trưởng cũng đề nghị địa phương xác định rõ lộ trình phát triển, tập trung đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật, giao thông, bảo vệ môi trường... tạo diện mạo tươi đẹp cho Đắk Mil xứng với một đô thị loại IV, và xứng đáng với tên gọi “vùng đất anh hùng”.

Lệ Minh

Quy hoạch hợp lý là chìa khóa để giải quyết những vấn đề đô thị hóa

Do quá trình đô thị hóa của toàn cầu, một lượng lớn nhân khẩu đã dịch chuyển vào đô thị, các lĩnh vực xã hội, kinh tế, môi trường... phải đối mặt với nhiều thách thức. Đây cũng là vấn đề khó khăn đối với Chính phủ các nước và những người hoạch định chính sách.

Ngày 05-11/4/2014, UN-Habitat (Chương trình Định cư Con người Liên Hợp quốc) đã tổ chức “Diễn đàn đô thị thế giới” lần thứ 7 tại Medellin, Colombia với chủ đề “Thúc đẩy phát triển đô thị dựa trên sự bình đẳng” với khoảng 25 nghìn đại biểu các nước tham dự và thảo luận về tiến trình đô thị hóa và những tác động đến các phương diện kinh tế, khí hậu, môi trường, sinh thái... và các biện pháp giải quyết những vấn đề liên quan.

1. Thúc đẩy đô thị tăng trưởng công bằng và phát triển bền vững

Hiện nay sắp đến thời hạn hoàn thành Mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ (MDG) vào năm 2015 của Liên Hợp Quốc, các quốc gia đã bắt tay vào xây dựng Chương trình Nghị sự phát triển sau năm 2015. Nhất trí cho rằng vấn đề đô thị là một phần quan trọng trong các chương trình nghị sự phát triển, các đại biểu dự Diễn đàn đã cùng nhau thảo luận các vấn đề về suy thoái môi trường, nghèo đói, bất bình đẳng...

mà cư dân đô thị phải đối mặt.

Theo ông Margaretha Breil - Chuyên gia nghiên cứu cấp cao - Viện nghiên cứu kinh tế môi trường (FEEM), cùng với việc dân số liên tục gia tăng, đô thị ngày càng phải chịu ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, lũ lụt thường xuyên, nhiệt độ ngày càng tăng, chất lượng không khí kém, nước biển dâng cao... Tất cả đều đe dọa sự sống còn của nhân loại. Ngoài ra, rất nhiều bản quy hoạch của các đô thị còn tồn tại những thiếu sót, bất cập, công tác quản lý nguồn tài nguyên tự nhiên yếu kém, dẫn đến hệ số rủi ro tăng. Theo ông Breil, hoạt động thường ngày của các đô thị là yếu tố rất quan trọng đối với việc phát triển kinh tế bền vững của quốc gia. Do đó, Chính phủ các nước cần phải nhận thức được tính yếu kém của đô thị, từ đó lựa chọn những biện pháp tương ứng để bảo đảm sự phát triển bền vững của đô thị.

Theo Phó Chủ tịch Manish Bapna và Giám đốc Dario Hidalgo thuộc Viện Tài Nguyên Thế giới, từ năm 1950 trở lại đây, dân số tại các đô thị trên thế giới vẫn tiếp tục tăng trưởng; lượng phát thải khí nhà kính chiếm hơn 1 nửa tổng lượng phát thải toàn cầu, số lượng xe cơ giới không ngừng gia tăng, hàng năm trên toàn thế giới có hơn 1 triệu người chết vì tai nạn giao

thông. Dự báo trong 20 năm tới, sẽ có 1,5 tỷ người đổ dồn về đô thị và khi đó số lượng dân số đô thị trên thế giới đạt trên 5 tỷ người. Điều này chắc chắn sẽ làm tăng thêm áp lực tới môi trường và giao thông. Trước mắt, chính quyền địa phương, các nhà phát triển đất đai, các nhà quy hoạch đô thị cũng xác định, chất lượng cuộc sống của hàng tỷ người sẽ bị ảnh hưởng trong những thập kỷ tới, do đó, đổi mới tư duy, thúc đẩy đô thị phát triển bền vững, tăng trưởng công bằng là những việc cần thiết thực hiện.

2. Sự kết hợp giữa bố cục không gian đô thị và chính sách quốc gia

Theo Phó Chủ tịch Manish Bapna và Giám đốc Dario Hidalgo, quy hoạch đô thị hợp lý là chìa khóa để giải quyết những vấn đề liên quan đến đô thị hóa. Thiết kế quy hoạch tốt có thể giúp đô thị tạo ra nhiều cơ hội việc làm, kích thích tăng trưởng kinh tế đô thị. Ngược lại, thiết kế đô thị không hợp lý có thể dẫn đến việc đô thị bị mở rộng quá mức, gây lãng phí, kém hiệu quả, ô nhiễm, thậm chí còn khiến cho các vấn đề trở nên trầm trọng hơn như: xã hội bất bình đẳng, bất ổn chính trị, xã hội bị chia rẽ... Ngoài ra, nhiều cơ sở hạ tầng đã được sử dụng trong nhiều thập kỷ, nên khi chịu những tác động tiêu cực do việc thiết kế yếu kém thì ảnh hưởng sẽ còn kéo dài về sau.

Lấy thành phố New York làm ví dụ. New York là thành phố nổi tiếng thế giới có bố cục đô thị với mật độ cao. Bố cục như vậy giúp thành phố New York tiết kiệm được 40% điện năng và 25% lượng nước tiêu thụ. Trong khi đó, diện tích cây xanh của thành phố New York cao hơn 20% so với các thành phố lớn khác của Mỹ.

Năm 2007, Thị trưởng thành phố New York - Michael Rubens Bloomberg - chính thức công bố kế hoạch quy hoạch New York, kỳ vọng thông qua việc hợp tác giữa các cơ cấu và lĩnh vực sẽ thúc đẩy đổi mới, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giảm lượng phát thải khí nhà kính, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đô thị. Trong khuôn khổ của kế

hoạch này, trong 6 năm, thành phố New York phải phát triển kinh tế nhanh chóng, đồng thời giảm đáng kể lượng phát thải khí nhà kính.

Thủ đô Bogota của Colombia cũng là một trong những thành phố có mô hình quy hoạch tập trung. Để nâng cao hiệu quả sử dụng đất của trung tâm đô thị, các chuyên gia quy hoạch đã thiết lập làn đường dành cho người đi xe đạp và làn đường dành cho người đi bộ, mở rộng hệ thống đường giao thông công cộng, tăng cường bảo vệ mặt nước và cây xanh, ngăn chặn hiệu quả việc các thành phố mở rộng. Tuy nhiên, những trường hợp thành công chỉ là thiểu số, chiếm đa số là trong bản thiết kế quy hoạch ban đầu của các đô thị vẫn còn tồn tại nhiều kẽ hở, như sai lầm trong biện pháp kích thích tài chính đã dẫn đến việc mở rộng đô thị không có trình tự, tăng tình trạng ùn tắc giao thông, mọi thứ trong đô thị đều tiêu thụ quá mức và lãng phí. Do đó, Phó Chủ tịch Manish Bapna và Giám đốc Dario Hidalgo cho rằng, để thành phố phát triển bền vững cần có sự liên kết chặt chẽ giữa bố cục không gian, quy hoạch đô thị và chính sách phát triển quốc gia trong thiết kế ban đầu, cần tránh để những vấn đề này xảy ra.

3. Cải tạo cơ sở hạ tầng

Ông Margaretha Breil cho rằng, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng cho đô thị là biện pháp hiệu quả để giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Đối với những khu vực đô thị có tiềm năng lớn cho sự đổi mới và cải cách chính sách có thể trở thành phòng thí nghiệm tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. Ông Breil nói thêm, theo dữ liệu năm 2011 của UN-Habitat, mật độ nhà ở tăng gấp đôi, có thể khiến cho tỷ lệ sử dụng xe của mỗi gia đình sẽ giảm xuống từ 20 - 40%. Do đó, mật độ nhân khẩu đô thị tăng có thể giảm đáng kể lượng phát thải. Để phát triển tiềm năng này, quan trọng nhất là phải cải tạo cơ sở hạ tầng, cung cấp những điều kiện để nâng cao hiệu quả sử dụng giao thông công cộng, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng. Ngoài ra, phải thay đổi thói quen sinh

hoạt của người dân, giảm lượng xe hơi riêng, giúp cho chính sách phát triển đô thị bền vững thực hiện có hiệu quả.

Ngoài ra, để thực hiện đô thị phát triển bền vững còn rất nhiều vấn đề liên quan, ngoài việc xây dựng chính sách bảo vệ môi trường tương ứng như tăng cường cây xanh, quản lý hiệu quả và toàn diện nguồn tài nguyên nước, các nhà hoạch định chính sách cũng phải xem xét đến vấn đề an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo... , đưa chiến lược phủ xanh đô thị kết hợp cùng với mục tiêu xóa đói giảm nghèo. Để đô thị phát triển bền vững đòi hỏi có sự tham gia của các Bộ, ngành cùng nhau thiết lập một chiến lược toàn diện.

4. Kiểm soát tăng trưởng đô thị

Ngoài việc thiết kế quy hoạch đô thị hiệu quả và hợp lý, Phó Chủ tịch Manish Bapna và Giám đốc Dario Hidalgo khuyến nghị nên thiết lập phương pháp trung thu phí mở rộng và phát triển đất hợp lý, thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng hiệu quả, thông qua đòn bẩy điều tiết tài chính, tránh mở rộng và phát triển đất mù quáng, đô thị mở rộng không có trình tự và phát triển kém hiệu quả, cần kiểm soát sự tăng trưởng hợp lý của đô thị, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên.

Ngoài ra, để đô thị phát triển bền vững, về mặt chính sách, cần tăng cường sự tham gia của người dân, đảm bảo cho người dân có được những thông tin chuẩn xác nhất, có thể bày tỏ quan điểm của họ về chính sách liên quan tới thành phố. Tại thủ đô Geneva, Thụy Sĩ, người dân đô thị đã thông qua bỏ phiếu để quyết định việc phân bổ không gian đô thị đối với xe ô tô cá nhân, giao thông cộng đồng, làn đường dành cho xe đạp, đường cho người đi bộ, xây dựng bố cục đô thị hợp lý. Thủ đô Porto Alegre của Brazil thiết lập một trang web để tiếp nhận ý kiến của người dân, giúp cho những nhà quy hoạch đô thị, nhà hoạch định chính sách hiểu rõ hơn những nhu cầu của người dân, từ đó đưa ra các chính sách hợp lý về các lĩnh vực giao thông, môi trường, vệ sinh công cộng... Từ những ví dụ nêu trên có thể thấy, sự tham gia tích cực của công chúng và những thông tin phản hồi đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đô thị bền vững.

Bạch Tuyết Tùng

*Nguồn: <http://www.zgghw.org>
(Trang Web Quy hoạch Trung Quốc,
ngày 17/4/2014)*

ND: Bích ngọc

Tài nguyên hóa rác thải xây dựng và những lợi ích

Rác thải xây dựng là tên gọi chung của các loại bùn đất, vụn bê tông, gạch, đá phế thải và các phế liệu khác thu được từ việc tháo dỡ, xây dựng, sửa chữa, bảo trì và hoàn thiện các công trình xây dựng. Phân loại theo nguồn gốc ban đầu, rác thải xây dựng có thể chia thành đất thải công trình, rác thải hoàn thiện, rác thải tháo dỡ, bùn vữa công trình... Phân loại theo cấu trúc, rác thải xây dựng bao gồm đất thải, gạch ngói vỡ, xà bần, bùn, cao su, nhựa phế thải, kim loại phế thải, tre gỗ thải... Việc quản lý nghiêm ngặt rác thải xây dựng có thể giúp giảm lượng rác thải xây dựng từ đầu nguồn, kích lệ việc

tận dụng, tái sử dụng, tái chế rác thải xây dựng đem lại những lợi ích môi trường và xã hội tốt đẹp, không những có thể giúp tiết kiệm chi phí xây dựng mà còn có thể cải thiện môi trường.

I. Công nghệ sản xuất và sản phẩm

Rác thải xây dựng sau khi được sàng, rửa có thể sử dụng để sản xuất cốt liệu tái chế, sau đó trộn với các vật liệu khác, qua máy ép định hình để tạo thành gạch xây: gạch xây cốt liệu nhẹ và các loại gạch tái sinh.

1. Quy trình công nghệ sản xuất

- Giai đoạn tiền xử lý làm vỡ: Trước hết, loại bỏ các tạp chất có trong bê tông phế thải, sau

đó dùng máy nghiền làm vỡ vụn các miếng bê tông thành các hạt có kích cỡ khác nhau.

- Giai đoạn xử lý làm vỡ lần 2: Các miếng bê tông sau khi trải qua làm vỡ tiền xử lý, tiếp tục được xử lý lần 2 bằng máy nghiền.

- Giai đoạn sàng lọc: Sau khi trải qua 2 lần xử lý nghiền vụn, đưa vật liệu qua thiết bị sàng, thu được lượng bột còn lại (chiếm tỷ lệ 61,5%).

2. Tính năng sản phẩm

- Cấp cường độ: Đều thỏa mãn yêu cầu:

Mục	Khối xây cốt liệu nhẹ		Gạch tái chế	
	Giá trị trung bình	Giá trị nhỏ nhất của mỗi khối xây	Giá trị trung bình	Giá trị nhỏ nhất của mỗi khối xây
Cường độ chịu nén (MPa)	19,1	15,3	20,4	16,5
Cường độ chịu uốn (MPa)	3,1	2,7	3,4	2,9

- Độ bền bằng giá: Hoàn toàn thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn:

Mục	Khối xây cốt liệu nhẹ	Gạch tái chế
Tổn thất cường độ (%)	-1,1	2,1
Tổn thất chất lượng (%)	19,4	18,1

- Tỷ lệ hút nước: Thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn:

Mục	Khối xây cốt liệu nhẹ	Gạch tái chế	JC/T 422-2007
Tỷ lệ hút nước (%)	11	8	nhỏ hơn hoặc bằng 18

- Tính chịu bức xạ: Thỏa mãn yêu cầu tiêu chuẩn:

Mục	Kết quả thử nghiệm khối xây cốt liệu nhẹ	Kết quả thử nghiệm của gạch tái chế	Yêu cầu tiêu chuẩn
Chỉ số bức xạ bên trong Ira	0,415	0,421	nhỏ hơn hoặc bằng 1
Chỉ số bức xạ bên trong Ir	0,109	0,116	nhỏ hơn hoặc bằng 1

II. Đánh giá lợi ích của việc tái sử dụng rác thải xây dựng

Theo tính toán, 120 triệu tấn rác thải xây dựng mỗi năm của Trung Quốc sẽ tạo ra lợi ích tổng hợp về kinh tế khoảng 500 tỷ NDT, đồng thời còn đem lại những lợi ích rõ rệt về xã hội và môi trường. Vì vậy việc tài nguyên hóa và công nghiệp hóa tái chế rác thải xây dựng là việc cần thiết phải tiến hành.

III. Những kiến nghị thúc đẩy việc thực hiện tài nguyên hóa rác thải xây dựng

1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật

Đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về sử dụng tuần hoàn rác thải xây dựng. Xây dựng các quy phạm kỹ thuật, hệ thống chỉ tiêu giảm phát thải rác thải xây dựng và hệ thống giám sát, tăng cường quản lý đầu nguồn rác thải xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn và quy trình kỹ thuật ứng dụng sản phẩm tái chế từ rác thải xây dựng, nâng cao tính khả thi của các văn bản quy phạm, tránh sự mơ hồ trong các chỉ tiêu. Xây dựng các chế độ quản lý, thực hành giấy phép môi trường về rác thải xây dựng, phê duyệt tờ khai xử lý, sản xuất với số lượng hạn chế... Làm việc theo pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nghiêm cấm chôn các loại rác thải xây dựng có thể tận dụng, quy định rác thải xây dựng phải

được tiến hành phân loại thu gom và lưu giữ, kiên quyết ngăn chặn phát thải rác thải xây dựng với số lượng lớn, xả thải tùy tiện và tận dụng tái chế kém chất lượng.

2. Đề ra quy hoạch tận dụng tái sinh

Căn cứ theo tình hình cụ thể của đất nước và tình hình thực tế tại các địa phương, các cơ quan chủ quản hành chính có liên quan cần đề ra việc quy hoạch tận dụng tổng hợp rác thải xây dựng của địa phương, chỉ đạo việc tận dụng rác thải xây dựng có kế hoạch, có lộ trình, đồng thời đưa vào chương trình nghị sự của các cấp Chính quyền và được thực thi đúng đắn.

3. Tăng cường hỗ trợ chính sách

Tuân thủ theo quy luật phát triển kinh tế, đưa việc tài nguyên hóa rác thải xây dựng vào thị trường, vận hành theo thị trường, khích lệ người đầu tư kinh doanh trong và ngoài nước tham gia xử lý, kinh doanh rác thải xây dựng. Tài nguyên hóa rác thải xây dựng không hoàn toàn là hành vi thị trường tự thân hoạt động mà có tính công ích nhất định. Để các doanh nghiệp tái chế rác thải xây dựng có thể phát triển và tồn tại, Chính quyền cần tăng cường chỉ đạo và hỗ trợ về mặt chính sách, chú trọng vận dụng các biện pháp như chính sách, giá cả, thuế, tài chính... để thúc đẩy việc thu gom, tái chế rác thải xây dựng, đảm bảo cho các doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng có những lợi nhuận nhất định. Ngoài ra, Chính quyền các địa phương cũng cần gương mẫu trong việc sử dụng và mở rộng các sản phẩm tái chế từ thải xây dựng, đầu tư cho thị trường tái chế rác thải, song song với việc nâng cao thị phần của sản phẩm tái chế từ rác thải xây dựng, thúc đẩy sự hình thành ngành công nghiệp tái chế rác thải xây dựng.

4. Tăng cường nghiên cứu kỹ thuật tái chế rác thải xây dựng

Cần tăng cường đầu tư, triển khai nghiên cứu kỹ thuật, bắt đầu từ việc phân loại rác thải, năng lực xử lý, tính ổn định về chất lượng sản phẩm nguyên liệu tái sinh, đồng thời đẩy nhanh

việc khai thác và nghiên cứu các sản phẩm bê tông tái chế...

5. Xây dựng các công trình mẫu

Tìm tòi một mô hình tái chế rác thải xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của đất nước, thực hiện tiêu chuẩn hóa việc tái chế, tái sử dụng rác thải, sử dụng vật liệu xây dựng tái chế từ rác thải xây dựng để thực hiện một loạt các công trình mẫu. Phát huy toàn diện tác dụng của các công trình mẫu, đưa việc tài nguyên hóa rác thải xây dựng vào nhiều lĩnh vực hơn nhằm thực hiện phát triển bền vững.

6. Tăng cường hợp tác giao lưu quốc tế

Công tác tái chế, tái sử dụng rác thải xây dựng của Trung Quốc có bước khởi đầu khá muộn, trình độ kỹ thuật có khoảng cách khá lớn so với trình độ tiên tiến của thế giới. Vì vậy, để thực hiện tài nguyên hóa rác thải xây dựng, Trung Quốc cần phải học tập có lựa chọn và tiếp nhận các kỹ thuật và thiết bị tái chế phù hợp với đặc điểm tái chế rác thải xây dựng trong nước, sớm hội nhập vào cộng đồng quốc tế để theo kịp với trình độ của quốc tế.

Tài nguyên hóa rác thải xây dựng không những giúp sử dụng tuần hoàn tài nguyên một cách hợp lý, cải thiện môi trường mà còn đem lại những lợi ích to lớn về kinh tế, xã hội và môi trường. Muốn thay đổi hiện trạng kỹ thuật tái chế rác thải xây dựng ở trình độ thấp như hiện nay, cần có sự hỗ trợ trọng điểm của Chính phủ, sự vận hành hoạt động tích cực của thị trường. Đây vừa là kinh nghiệm thành công trong xử lý rác thải xây dựng của các nước phát triển, vừa là con đường tất yếu trong công cuộc tài nguyên hóa rác thải xây dựng của Trung Quốc.

**Diêm Thiết Thành, Châu Minh Như,
Vương Bác**

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 9/2014*

ND: Kim Nhạn

Triển vọng phát triển một trong các xu hướng xây dựng lắp ghép liên khối trên thị trường nhà ở và công trình công cộng ở Liên bang Nga

Xây dựng các công trình/ nhà ở có độ cao và số tầng khác nhau, với những giải pháp quy hoạch kiến trúc khác nhau luôn là một phần không thể tách rời trong diện mạo kiến trúc của mỗi thành phố. Trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp, công nghệ panel tấm lớn cho tới nay vẫn được ưa chuộng hơn cả, do một trong những ưu điểm là tốc độ xây dựng tăng nhờ sử dụng các panel tường - sàn chịu lực tiền chế, và thi công xây lắp không cần giàn giáo.

Theo các số liệu của Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế nhà ở & công trình công cộng TW (Nga), xây nhà ở chiếm 26 - 30% công suất thi công của các doanh nghiệp xây dựng, trong đó nhà panel tấm lớn chỉ chiếm khoảng 18%. Một trong các nguyên nhân hạn chế công nghệ này phát triển là thiếu sự linh hoạt trong các giải pháp kiến trúc về bố cục hình khối, cũng như thiếu độ tin cậy về các mối nối giữa các panel.

Hiện nay, trong đa số trường hợp, giải pháp kiến trúc về bố cục hình khối được ứng dụng trong thiết kế các công trình lắp ghép bằng bê tông cốt thép chính là dùng các khung thép khá đắt được chế tạo sẵn trong các nhà máy.

Vấn đề độ tin cậy của các mối nối giữa các panel trong kết cấu xây dựng - xét về cường độ và độ kín khít (tính thấm nước, không khí) - có thể giải quyết được nếu áp dụng công nghệ lắp ghép liên khối đối với công trình/ nhà ở xây khung. Trong trường hợp này, các cột, dầm, khung của sàn và các tấm ngăn của cốt pha không tháo thông thường cũng như cốt pha bê tông cốt thép ứng lực trước được chế tạo sẵn trong các nhà máy. Tại công trình, công nhân chỉ cần thao tác lắp ghép và đổ bê tông vào các tấm sàn, làm liền khít các khớp nối giữa các dầm khung và cột. Bằng cách này, bài toán về cường độ và độ kín khít của các mối nối được



Các liên kết hàn giữa các khối xây có cốt thép với cốt pha không tháo bằng bê tông cốt sợi thép

giải quyết. Tuy vậy, tương tự như xây nhà panel tấm lớn, các giải pháp kiến trúc về mặt bố cục hình khối sẽ bị hạn chế bởi khuôn hình của cột, dầm và các tấm bê tông cốt thép không tháo cốt pha.

Một phương án khác đối với xây dựng toàn khối là ứng dụng các khối xây có cốt thép, cho phép xây những công trình gần giống về giải pháp kết cấu trong xây dựng lắp ghép tấm lớn, đồng thời tránh được một số nhược điểm vốn có của công nghệ này. Các khối xây có cốt thép của tường trong và tường ngoài, và các tấm sàn được chế tạo sẵn, song không ứng dụng khung thép. Tại công trình, việc lắp ráp các khối xây có cốt thép cũng được thực hiện tương tự như lắp ghép các panel, sau đó công nhân đổ bê tông vào các khối. Phương pháp xây này mới đây đã được Viện nghiên cứu khoa học về bê tông & bê tông cốt thép Quốc gia (Nga) nghiên cứu dành cho các công trình dân dụng, công trình năng lượng và công trình công nghiệp.

Các khối xây có cốt thép là những kết cấu chắc cứng, cấu tạo từ khung cốt thép liên kết với cốt pha không tháo bằng bê tông cốt sợi thép. Khi lắp ghép, các khối xây có cốt được hàn liên kết với nhau, nhờ đó lực bảo đảm được

truyền đều theo phương nằm ngang và phương thẳng đứng từ khối xây này sang khối xây khác. Liên kết hàn cũng như việc đổ bê tông vào khối xây sẽ bảo đảm cường độ và độ kín khí của các mối nối.

Nhờ liên kết các khối xây có cốt thép bằng phương pháp hàn, trước khi đổ bê tông vào khối, công nhân có thể thi công lắp ghép mở rộng, tạo liên kết vững chắc giữa các khối xây tường và sàn trong từng căn phòng và giữa các căn phòng. Các liên kết hàn có thể thực hiện bằng phương pháp hàn tự động.

Các khối xây có cốt có thể được lắp ghép với độ chính xác cao khi ứng dụng công nghệ GPS/GLONNAS, cho phép giảm thiểu thời gian xây lắp nhờ đồng thời thực hiện một loạt biện pháp thi công.

Để làm cốt pha không tháo trong các khối xây có cốt thép, các tấm bê tông cốt sợi thép bề dày 20 - 25 mm sẽ mang lại hiệu quả lớn nhất, do duy trì được cường độ, độ bền bằng giá và đặc tính chống thấm theo yêu cầu. Các tấm của cốt pha được sản xuất theo tiêu chuẩn đối với các sản phẩm bê tông và bê tông cốt thép, với lớp đệm từ hỗn hợp cát - xi măng, và các sợi thép được đưa vào trong quá trình trộn vữa.

Hiện nay, trên thị trường đã xuất hiện nhiều chủng loại sợi thép rất thích hợp để chế tạo các tấm cốt pha. Tác giả bài báo cùng các cộng sự tiến hành nghiên cứu ảnh hưởng từ các đặc tính của sợi thép tới các tính chất về mặt công nghệ, mặt khai thác vận hành của bê tông cốt sợi thép. Nhóm đã xem xét kết cấu, một số chủng loại sợi khác nhau về đường kính (từ 0,3 đến 1,2 mm), về độ dài (từ 15 đến 40 mm), về cường độ tiêu chuẩn (từ 360 đến 2500 MP) có khả năng bảo đảm lực bám dính của các sợi với lớp đệm. Lực bám dính này còn được bảo đảm bởi cường độ của chính lớp đệm. Kinh nghiệm cho thấy: cường độ tối thiểu cần tương đương bê tông mác B60. Các nhà xây dựng thường dùng bê tông cường độ cao, mác từ B90 - B120 và cao hơn, kèm phụ gia siêu dẻo (chẳng hạn Sika



Quy trình đổ một tấm cốt pha bê tông cốt sợi thép Visko Crete 5 - 800) và oxit silic trong chế tạo tấm đệm này, lượng xi măng tiêu hao ước tính 800 kg/m³.

Khi thực hiện các yêu cầu đối với tấm đệm và sợi, chế phẩm là bê tông cốt sợi thép sẽ có các tính chất về cường độ và các tính chất khai thác khác gấp 2 - 4 lần các chỉ số tương ứng của bê tông nặng. Ví dụ: có thể thu được bê tông cốt sợi thép có cường độ nén 120 MPa; cường độ kéo 12 MPa; cường độ kéo uốn 25 MPa; module đàn hồi 60.000 MPa; độ bền bằng giá tối thiểu F500; khả năng chống thấm tối thiểu W12; độ nhớt va đập 65 kJ/m²; khả năng chống cháy tối thiểu gấp 10 lần so với bê tông thường. Các chỉ số rất cao trên đây góp phần cải thiện đáng kể tuổi thọ của bê tông cốt sợi thép.

Trong thực tiễn xây dựng thế giới, bê tông cốt sợi thép được ứng dụng trong sản xuất các kết cấu xây công nghiệp - các tấm bê tông làm đường, tấm móng, tấm (khối) lót cọc, vỏ hầm (tỷ lệ đặt cốt sợi có thể dao động trong ngưỡng từ 0,5 - 1,5% theo dung tích; bảo đảm chế phẩm thu được là bê tông cốt sợi thép có đặc tính bền nứt cao đáp ứng chỉ tiêu cường độ theo yêu cầu của kết cấu).

Trong quá trình sản xuất các cấu kiện mỏng (chẳng hạn: các tấm trong cốt pha, với độ dày chỉ từ 20 - 25 mm), khi việc đầm nén có thể dẫn đến vữa bê tông sẽ bị tách lớp, để không khí lọt vào, thì việc sử dụng bê tông tự lên cốt liệu mịn rất thích hợp. Trong quá trình đổ bê tông lên các tấm, có thể đưa các cốt sợi vào, và thực

hiện tháo khuôn sau 1 ngày đêm, sau quy trình tạo hình không cần qua xử lý nhiệt. Ở nhiệt độ thấp, trong các phân xưởng tạo hình (đúc khuôn) có thể đẩy nhanh quá trình đóng rắn bê tông bằng cách dàn các tấm phủ nhiệt lên trên bề mặt các tấm.

Khi sản xuất các tấm bê tông không tháo cốt pha, vữa bê tông cốt sợi thép tự lên được đổ lên gỗ dán được phân lớp, bề mặt của tấm sẽ nhẵn mịn với độ lệch chuẩn không quá 15 micron, độ xấp bề mặt không quá 3,6% (khi kích thước bọt rỗ 0,05 - 0,8 mm). Bề mặt tường phẳng nhẵn luôn sẵn sàng để sơn phủ mà không cần thêm các thao tác gia công.

Giá thành của các tấm của cốt pha không tháo bằng bê tông cốt sợi thép tương đương giá trị bê tông cốt thép lắp ghép.

Viện nghiên cứu khoa học về bê tông & bê tông cốt thép trong những năm qua đã tiến hành các công tác nghiên cứu khoa học nhằm ứng dụng các khối xây có cốt thép làm tường và sàn (với cốt pha không tháo bằng bê tông cốt sợi thép) trong xây dựng các công trình công nghiệp năng lượng. Trong những công trình này, việc lắp đặt các thiết bị công nghệ đòi hỏi sự thay đổi linh hoạt các giải pháp hình khối kết cấu, do vậy, hầu như không thể ứng dụng công nghệ xây panel. Công nghệ xây liền khối có ưu điểm là thời gian vận hành khai thác của công trình tăng lên rõ rệt. Như vậy, lời giải cho bài toán đã được tìm ra, thông qua việc ứng dụng khối xây có cốt thép với cốt pha không tháo.

Khối xây có cốt thép được ứng dụng trong xây các công trình năng lượng - do phải chịu tải trọng rất lớn - nên cấu tạo thường gồm các khung cốt thép và cốt pha không tháo. Các khung cốt thép được thực hiện từ các góc của thanh profile bị uốn cong dưới dạng 02 mặt phẳng dọc kết nối với cốt chịu lực (chữ U), bảo đảm sự truyền lực từ cốt chịu lực của khối xây này tới khối xây khác.

Trong cấu trúc một khối xây - có tính cả tải trọng vận chuyển và xây lắp cũng như lực do

khối lượng riêng và áp suất của vữa bê tông (khi đổ bê tông) tạo nên - cốt pha không tháo bằng bê tông cốt sợi thép sẽ đóng vai trò gia cường cho khung của khung cốt thép. Độ cứng không gian lớn hơn của khối xây có cốt sẽ bảo đảm độ chuẩn xác theo yêu cầu khi lắp ghép các khối xây này - tương đương với độ chuẩn xác khi lắp ghép các kết cấu bằng kim loại.

Các kết cấu bê tông cốt thép trong các công trình nhà ở khác với các công trình công nghiệp năng lượng ở chỗ không đòi hỏi việc đặt cốt cường độ cao như vậy. Các tính toán của nhóm tác giả cho thấy: các tấm của cốt pha không tháo bằng bê tông cốt sợi thép được đặt cốt theo tỷ lệ dung tích 3% cho phép bỏ cốt thanh trong các khối xây tường và sàn. Trong trường hợp này, có thể gổ panel sàn lên tấm bên trong dày hơn của panel tường ngoài; tấm bên ngoài được sử dụng như lớp bảo vệ; và giữa các tấm này là lớp bê tông cách nhiệt.

Việc sản xuất các khối xây có cốt thép hoàn toàn có thể thực hiện trong các nhà máy công nghiệp xây dựng hoặc các nhà máy bê tông cốt thép lắp ghép, sau một quy trình hiện đại hóa không quá tốn kém. Cần trang bị các thiết bị cấp sợi cho vữa bê tông. Xưởng khung cốt có thể thu hẹp, lấy mặt bằng làm nơi lắp ghép các khối xây có cốt. Trong các xưởng tạo hình (đúc khuôn) có thể sản xuất các tấm của cốt pha không tháo.

Các chỉ số cao về độ bền bằng giá và đặc tính chống thấm của bê tông cốt sợi thép cho phép ứng dụng loại bê tông này làm vật liệu chống thấm dùng cho mái nhà, giúp giảm chi phí sửa chữa, chi phí thay thế chất liệu chống thấm từ các vật liệu truyền thống.

V. A. Dorf

Nguồn: Tạp chí Xây dựng & Kiến trúc Nga tháng 12/2013

ND: Lê Minh

Việc khai thác không gian ngầm đô thị cần được quản lý bằng các quy phạm

Cùng với quá trình đô thị hóa và mức sống của người dân ngày càng được nâng cao, việc khai thác không gian trên mặt đất của rất nhiều đô thị đã trở nên khó khăn. Thêm vào đó, các “căn bệnh đô thị” như dân số gia tăng, thiếu hụt tài nguyên, môi trường ô nhiễm, giao thông ùn tắc... ngày càng trở nên nổi cộm. Chính vì vậy, việc khai thác và sử dụng hợp lý không gian ngầm trong các đô thị trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

1. Những tác dụng tích cực

Việc khai thác và sử dụng hợp lý không gian ngầm đô thị đem lại những tác dụng tích cực trên nhiều phương diện:

- *Giúp mở rộng dung lượng không gian đô thị*

Hiện tại, một số vấn đề về không gian đô thị vẫn đang tồn tại như khu vực trung tâm tại các đô thị không còn đất xây dựng, việc phát triển theo chiều cao cũng gặp phải nhiều hạn chế như: một số đô thị đặc biệt chịu sự quy định bởi việc bảo vệ các di tích, quy định về hạn chế chiều cao... Thêm vào đó, việc khai thác không gian ngầm không có yêu cầu về mật độ xây dựng, tỷ lệ phủ xanh. Ngoài ra, so sánh không gian ngầm và không gian trên mặt đất tại đô thị, có rất nhiều điểm độc đáo mà không gian ngầm có thể mang lại, đó là tính cân bằng nhiệt, tính cân bằng độ ẩm, tính cách nhiệt, tính an toàn, tính chắn sáng..., cao hơn rất nhiều so với không gian trên mặt đất.

- *Có thể giải quyết vấn đề giao thông tại các đô thị lớn và siêu đô thị*

Biểu tượng nổi bật nhất của vấn đề giao thông là sự ùn tắc, tốc độ điều khiển xe chậm, thiếu nghiêm trọng các bãi đỗ xe. Xây dựng các tuyến tàu điện ngầm, các tuyến đường ngầm, gia tăng các bãi đỗ xe ngầm ... sẽ đem lại sự cải thiện đáng kể cho các vấn đề về giao thông trên mặt đất.

- *Có thể xử lý có hiệu quả môi trường đô thị*

Khai thác và sử dụng hợp lý không gian ngầm có thể tạo ra được nhiều không gian trên mặt đất hơn cho việc phủ xanh đô thị hay xây dựng các quảng trường công cộng, giúp cải thiện môi trường đô thị, gia tăng các địa điểm hoạt động, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

- *Có thể hoàn thiện cơ sở hạ tầng đô thị, nâng cao chức năng đô thị*

Cùng với sự đẩy mạnh tiến trình đô thị hóa, các tuyến đường ống ngầm được xây dựng với nhiều chủng loại hơn, dung tích càng lớn hơn. Không gian ngầm ở bên dưới các tuyến đường bộ trong đô thị là những vị trí lý tưởng cho việc xây dựng các hành lang ngầm tổng hợp.

- *Có thể xây dựng hệ thống cơ sở thương mại ngầm*

Việc gia tăng các hình thái thương mại với các cấp độ khác nhau là nhằm thỏa mãn nhu cầu khác nhau của đông đảo người tiêu dùng.

2. Những vấn đề tồn tại

Hiện tại, tốc độ khai thác và sử dụng không gian ngầm đô thị tại Trung Quốc phát triển rất nhanh, quy mô rất lớn, tuy nhiên, một số đô thị còn tồn tại vấn đề xây dựng thiếu trật tự, chủ yếu biểu hiện ở những phương diện sau:

- *Nhìn từ góc độ pháp quy:* Ngoài “Quy định Quản lý khai thác, sử dụng không gian ngầm đô thị” do Bộ Nhà ở và Phát triển Đô thị - Nông thôn ban hành, thì các quy phạm pháp luật liên quan tới không gian ngầm của Trung Quốc còn phân tán trong rất nhiều luật như “Luật Quy hoạch đô thị”, “Luật Quản lý đất đai”, “Luật Phòng không dân sự”... và vẫn chưa hình thành một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh.

- *Nhìn từ góc độ quy hoạch:* Rất nhiều đô thị thiếu các quy hoạch sử dụng không gian ngầm đô thị, việc khảo sát liên quan tới công tác quản lý không gian ngầm cũng không hệ thống. Tính tổng thể trong khai thác không gian ngầm

không mạnh, bố cục chức năng không rõ ràng, các ngành các nghề chỉ căn cứ theo nhu cầu trước mắt tự xây dựng các công trình ngầm, lợi ích tổng hợp có được từ việc khai thác không rõ rệt, sự phát triển bền vững còn thiếu không gian, vấn đề an toàn khai thác xây dựng và sử dụng không gian ngầm cũng thường xuyên xuất hiện.

- Nhìn từ góc độ quản lý: Hiện tại, việc khai thác không gian ngầm đô thị còn tồn tại rất nhiều vấn đề trong quản lý, bao gồm tài nguyên lãnh thổ, quy hoạch đô thị, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, kháng chấn, phòng chống lũ lụt, bảo vệ môi trường, thủy điện, quốc phòng, bảo vệ di sản văn hóa... Ngoài ra, các cột móng của các công trình cao tầng cũng tạo những trở ngại mới cho việc khai thác không gian ngầm, gây ra những khó khăn rất lớn đối với việc xây dựng các công trình theo tuyến như các đường ống ngầm, đường tàu điện ngầm. Quyền sử dụng không gian ngầm và quyền sử dụng đất đai trên mặt đất xảy ra xung đột, công tác quy hoạch không gian ngầm và việc xây dựng đô thị trên mặt đất rất khó điều phối, bao gồm rất nhiều đô thị trong đó có Bắc Kinh. Những nghi vấn về các vấn đề an toàn xây dựng công trình ngầm cũng không dễ có thể bỏ qua.

Nhìn từ góc độ các chính sách đồng bộ: Hiện tại, ngoài các công trình xây dựng dân phòng được hưởng các chính sách ưu đãi ra,

các hạng mục khai thác xây dựng không gian ngầm đơn lẻ vẫn chưa có các chính sách ưu đãi. Thêm vào đó, các quy định pháp luật hiện hành vẫn chưa tiến hành xác định rõ các vấn đề liên quan tới quyền sở hữu các công trình ngầm, một bộ phận tài sản các công trình ngầm khó được lưu chuyển linh hoạt, làm ảnh hưởng tới tính tích cực của các nhà đầu tư.

3. Những kiến nghị

Việc khai thác không gian ngầm đô thị một cách thiếu trật tự sẽ gây ra những tổn thất khó có thể khôi phục, đồng thời ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của đô thị. Dưới đây là những kiến nghị đối với việc quản lý trong khai thác có trật tự không gian ngầm đô thị:

- Đề ra các quy định pháp luật về khai thác, sử dụng không gian ngầm đô thị.

- Hợp lý hóa các cơ chế quản lý khai thác không gian ngầm đô thị.

- Lập quy hoạch khai thác tận dụng không gian ngầm đô thị.

- Hoàn thiện các chính sách về khai thác, sử dụng không gian ngầm đô thị.

Dương Minh Sinh

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 6/2014

ND: Kim Nhạn

Thứ trưởng Cao Lại Quang tiếp Giám đốc Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB)

Ngày 17/11/2014, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Cao Lại Quang đã có buổi tiếp và làm việc với đoàn công tác của Ngân hàng thế giới do bà Victoria Kwakwa - Giám đốc WB tại Việt Nam - dẫn đầu về vấn đề đổi mới doanh nghiệp cấp thoát nước đô thị ở Việt Nam. Về phía Bộ Xây dựng còn có lãnh đạo Cục Hạ tầng Kỹ thuật, Vụ Kế hoạch Tài chính, Vụ Kinh tế xây dựng, Vụ Hợp tác Quốc tế và các phóng viên cùng tham dự.

Phát biểu tại buổi tiếp, thay mặt cho lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Cao lại Quang đã gửi lời cảm ơn tới WB nói chung và bà Victoria Kwakwa nói riêng, trong thời qua đã có những hỗ trợ rất tích cực đối với Bộ Xây dựng trong lĩnh vực cải cách và phát triển ngành nước. Các dự án về ngành nước trong thời gian tới có ý nghĩa rất quan trọng đối với Bộ, bởi nó mang tính đột phá, giúp cho ngành nước của Việt Nam có thể phát triển bền vững hơn.

Theo Bà Victoria Kwakwa, buổi làm việc lần này là cơ hội tốt để hai bên cùng nhau trao đổi các vấn đề liên quan tới ngành nước, đồng thời, tìm ra phương hướng đưa ngành nước của Việt Nam phát triển bền vững. Bà Kwakwa cũng cho rằng, việc chú trọng nhiều hơn tới các doanh nghiệp cấp thoát nước là việc làm cần thiết, bởi những doanh nghiệp này là trung tâm của ngành nước, nhưng làm sao để giúp họ trở thành những doanh nghiệp hiện đại, đáp ứng mọi nhu cầu của người dân, cũng như đảm bảo cung cấp các dịch vụ bền vững trong tương lai, ngoài nhu cầu rất lớn về nguồn vốn, cần thiết phải xây dựng thể chế, chính sách liên quan đến ngành nước thông qua quá trình cải cách, đổi mới doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp, thoát nước. Về phía WB cam kết hỗ trợ vốn, tuy nhiên, Việt Nam và WB cần phối hợp chặt chẽ để xây dựng các thể chế cũng như



Toàn cảnh buổi tiếp

khuôn khổ điều hành những doanh nghiệp cấp, thoát nước ở Việt Nam để những doanh nghiệp này hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng.

Để giúp ngành nước của Việt Nam phát triển, đảm bảo cung cấp các dịch vụ ngành nước một cách hiệu quả, bền vững, đáp ứng nhu cầu của người dân hiện tại và tương lai, giải pháp cho Dự án đổi mới doanh nghiệp cấp thoát nước đô thị mà các chuyên gia WB đưa ra là ưu tiên cho phép giá nước tăng đến mức khả thi về thương mại; tăng tính tự chủ cho các doanh nghiệp, cho phép họ tăng ngân sách duy trì và bảo dưỡng để bảo trì phù hợp; tăng tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp; tăng các biện pháp khuyến khích và nghĩa vụ cải thiện chất lượng và độ tin cậy trong cung cấp dịch vụ; xây dựng năng lực và môi trường để tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân. Theo đó, mục tiêu chính của Dự án sẽ là cải thiện việc tiếp cận và chất lượng dịch cấp nước và vệ sinh môi trường đô thị thông qua các khoản đầu tư để giải quyết thiếu hụt về vốn và đổi mới các doanh nghiệp cấp nước đô thị và ngành; Phạm vi thực hiện sẽ là các đô thị loại II, cấp nước và vệ sinh môi trường, nâng cấp và mở rộng; Đặc điểm chính trong thiết kế là tăng cường hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp và cấp

vốn thông qua cách tiếp cận dựa trên hiệu quả; tiếp cận theo Chương trình (chuyển từ theo từng dự án sang quy mô lớn) và tăng cường quản trị ngành (Cơ quan quản lý).

Theo các chuyên gia, kinh nghiệm quốc tế về việc đổi mới doanh nghiệp cấp nước, họ đều có chung tư tưởng cấp nước và vệ sinh môi trường đô thị là chìa khóa để thúc đẩy tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo đô thị. Trong đó, có 5 nhân tố sẽ đem lại sự thay đổi cho ngành nước đó là: Cách mạng khoa học kỹ thuật, thay đổi xã hội học, quan tâm chính trị, các cơ chế tài chính công và quan trọng nhất đó là cải cách thể chế. Quan điểm của WB đối với việc cấp nước và vệ sinh môi trường là “Không tập trung sửa chữa đường ống, mà khắc phục những thể chế sửa chữa đường ống”, đồng thời, các chuyên gia WB cũng cho rằng, nguyên tắc chính để quản lý hiệu quả doanh nghiệp nước phải luôn đảm bảo tạo tài sản mới, quản lý tài sản hiện có, chăm sóc khách hàng, quản lý nguồn thu và quản lý con người. Trong dự án đổi mới doanh nghiệp cấp nước sẽ bao gồm có 3 Hợp phần, Hợp phần 1 là đầu tư nước và vệ sinh môi trường; Hợp phần 2 là hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp và Hợp phần 3 là hỗ trợ kỹ thuật cho Bộ Xây dựng.

Thứ trưởng Cao Lại Quang cũng nhận định, việc cải cách các doanh nghiệp cấp thoát nước và thể chế ngành nước là những việc hết sức cấp thiết và đang là chủ đề được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm. Là cơ quan giúp Chính phủ trong việc quản lý ngành nước và môi trường, Bộ Xây dựng đang tập trung rà soát, đổi mới thể chế, đặc biệt là về ngành nước, vì nhận định cải cách là việc làm rất quan trọng và cấp thiết đối với các doanh nghiệp ngành nước ở Việt Nam hiện nay. Thứ trưởng hoàn toàn đồng tình với những đề xuất của các chuyên gia WB đối với dự án đổi mới doanh nghiệp ngành cấp thoát nước ở Việt Nam, từ mục tiêu, phạm vi, các hợp phần... trong dự án. Thứ trưởng khẳng định, hiện nhu cầu vốn của Việt Nam rất lớn, và đánh giá cao hình thức vay vốn theo Chương trình, bởi như vậy sẽ dễ dàng trong việc quản lý và đạt hiệu quả cao. Về cơ cấu tổ chức quản lý, Thứ trưởng mong muốn WB ưu tiên giao cho Ban quản lý của Bộ được quản lý tập trung nguồn vốn, như vậy sẽ đạt hiệu quả cao hơn, đồng thời, mong muốn thành lập Cục Quản lý nước riêng để có thể đẩy mạnh vai trò và điều tiết việc đầu tư cho ngành nước.

Bích Ngọc

Khai mạc Triển lãm Quốc tế Vietbuild 2014 tại Hà Nội

Ngày 19/11/2014, tại Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam, Hà Nội đã diễn ra Lễ Khai mạc Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2014 với chủ đề Bất Động sản - Trang trí nội ngoại thất, xây dựng và vật liệu xây dựng.

Tham dự Lễ Khai mạc có ông Nguyễn Trần Nam - Thứ trưởng Bộ Xây dựng, Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, đại diện lãnh đạo các Bộ, ngành TW và địa phương, lãnh đạo các Cục, Vụ chức năng Bộ Xây dựng, Hội, Hiệp hội nghề nghiệp và các nhà tài trợ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Tiếp nối thành công tốt đẹp của Triển lãm

quốc tế Vietbuild lần thứ nhất tại thành phố Hà Nội trong năm 2014, triển lãm Quốc tế Bất động sản Việt Nam- Vietbuild 2014 lần thứ 2 đã thu hút được sự tham gia của gần 1.170 gian hàng với sản phẩm mới, công nghệ tiên tiến của hơn 300 đơn vị, trong đó có 223 doanh nghiệp trong nước, 52 doanh nghiệp liên doanh và 26 doanh nghiệp, các tập đoàn nước ngoài đến từ 12 quốc gia và vùng lãnh thổ: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đức, Singapore, Thái Lan, Italia, Hồng Kông, Hoa Kỳ, Đài Loan, Malaysia và Việt Nam.

Phát biểu khai mạc, Thứ trưởng Nguyễn



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm

Trần Nam cho biết: Triển lãm Quốc tế Vietbuild 2014 lần thứ 2 tại Hà Nội diễn ra khi tình hình kinh tế của đất nước trong 10 tháng đầu năm 2014 tiếp tục đà phục hồi ở tất cả các ngành, lĩnh vực chủ yếu; tăng trưởng GDP đạt cao hơn cùng kỳ 2 năm trước (Tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm trước đạt 5,62%); lạm phát được kiểm soát; chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 10 tăng 0,11% so với tháng trước, so với tháng 12/2013, chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 có mức tăng thấp nhất so với cùng kỳ 11 năm qua. Trong hoạt động xây dựng, những tháng cuối năm là thời điểm bước vào mùa xây dựng, do đó, sản lượng xây lắp đã tăng lên kéo theo vật liệu xây dựng, trong đó có tiêu thụ xi măng đã tăng so với những tháng trước. Trong lĩnh vực Bất động sản, do lãi suất ngân hàng tiếp tục giảm, tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định, chính sách của Nhà nước về hỗ trợ ngành bất động sản đã và đang phát huy tác dụng cùng với những điều kiện cho vay mua nhà được nới lỏng nên hoạt động kinh doanh bất động sản tiếp tục được cải thiện với mức tăng cao hơn cùng kỳ năm trước.

Tại Lễ khai mạc, Ban tổ chức đã trao giải Gian hàng quy mô - đẹp và ấn tượng. Hầu hết các sản phẩm được trưng bày tại Triển lãm Vietbuild Hà Nội lần này đã được các doanh nghiệp tìm hiểu, nghiên cứu và đầu tư sản xuất với mẫu mã, tính năng và chất lượng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng, trang trí nội



Quang cảnh Lễ khai mạc Triển lãm

ngoại thất ngày càng phát triển như: Bất động sản và các sản phẩm phục vụ cho nhà ở; vật liệu trang trí nội ngoại thất và vật liệu xây dựng; sơn trang trí và chất chống thấm, chất tạo màu công nghiệp và công rào, thiết bị công nghệ máy móc, hệ thống máy năng lượng mặt trời, thiết bị ống nước, khóa và các phụ kiện xây dựng khác...

Trong khuôn khổ hoạt động triển lãm, Ban tổ chức đã phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện Hội thảo chuyên ngành với chủ đề: "Sản phẩm mới - Công nghệ tiến tiến, thân thiện môi trường của ngành Xây dựng trong Hội nhập & Phát triển". Nội dung của Hội thảo gồm nhiều đề tài thiết thực và phong phú đang được giới xây dựng rất quan tâm hiện nay như: Ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất sản phẩm cao cấp về kinh xây dựng, kính in màu bột sứ và công nghệ in laser, nhôm kính, cửa cuốn ba trong một của Sado Group; Giới thiệu về sản phẩm xanh thương hiệu Nhật bản: Gỗ nhựa Kankyo Wood II của hãng Maeda Kosen; Giải quyết, khắc phục những vấn đề về nắp hố ga và nắp bể cáp tại Việt Nam; Phần mềm chuyên dụng thiết kế tủ bếp hoàn chỉnh Kdmax của Oppeinhome... với hơn 20 đề tài, báo cáo nhằm khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và liên tục sản xuất các sản phẩm mới, công nghệ cao để đáp ứng nhu cầu thị trường xây dựng và nhà ở đô thị.

Triển lãm Quốc tế Vietbuild là cơ hội cho

các doanh nghiệp, các nhà quản lý trong việc đo lường, tìm hiểu và phân khúc thị trường bất động sản trong giai đoạn mới. Đây cũng là sự kiện để các doanh nghiệp nắm bắt thời cơ, tìm hiểu những hạn chế để tạo nên một cấu trúc mới cho ngành Bất động sản được phát triển bền vững. Qua đó các doanh nghiệp sẽ định hướng chiến lược phát triển tốt hơn, mở rộng liên kết trên nhiều lĩnh vực hợp tác để phát huy hoạt động kinh doanh của mình. Triển lãm cũng là dịp để các doanh nghiệp và công chúng gặp gỡ, trao đổi, nắm bắt nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng để định hướng chiến lược trong kinh doanh. Hầu hết những gian hàng có quy mô lớn, người tiêu dùng và các nhà đối tác sẽ có cơ hội tìm hiểu sản phẩm toàn diện cùng với những tư vấn cần thiết cho việc tìm hiểu sản phẩm thiết kế xây dựng, kiến trúc cho công trình xây dựng hay cho ngôi nhà của mình. Ngoài ra, Ban tổ chức còn thực hiện các chương trình giao lưu, gặp gỡ giữa các Sở, ban, ngành, các tổ chức, Hiệp hội, doanh nghiệp tại các tỉnh và thành phố khu vực phía Bắc; các

Hiệp hội, doanh nghiệp nước ngoài cùng với các tập đoàn, doanh nghiệp tại Triển lãm nhằm tạo cơ hội tốt cho các nhà quản lý, các tổ chức xã hội, các ngành nghề và các tập đoàn, doanh nghiệp tham quan tìm hiểu tính năng, mẫu mã và những phát triển đột phá, đổi mới về công nghệ của các sản phẩm xây dựng tại triển lãm. Chương trình giao lưu tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nắm bắt được nhu cầu phát triển mạnh mẽ của công cuộc hội nhập và phát triển toàn Việt Nam về quản lý và sản xuất sản phẩm vật liệu xây dựng, sản phẩm bất động sản, góp phần cho sự phát triển nhà ở, cảnh quan đô thị và môi trường sống tốt nhất cho con người.

Triển lãm quốc tế Vietbuild Hà Nội 2014 do Trung tâm Thông tin - Bộ Xây dựng, Công ty Tổ chức Triển lãm Quốc tế Xây dựng Vietbuild và Công ty Tổ chức Triển lãm Quốc tế Bất Động Sản VNREBUILD phối hợp tổ chức, diễn ra từ 19 - 23/11/2014 tại Hà Nội.

Bích Ngọc

Khai mạc Hội nghị Hội đồng xi măng Đông Nam Á lần thứ 38

Ngày 21/11/2014 tại Hà Nội đã diễn ra Phiên Khai mạc Hội nghị Hội đồng Xi măng Đông Nam Á (AFCM) lần thứ 38 với sự tham dự của các đoàn đại biểu của Hiệp hội xi măng Đông Nam Á đến từ Indonesia, Philipin, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam đến dự và phát biểu tại phiên khai mạc.

Phát biểu khai mạc Hội nghị, ông Nguyễn Quang Cung - Chủ tịch Hiệp hội Xi măng Việt Nam (VNCA) bày tỏ niềm vinh dự của VNCA được 3 lần đăng cai tổ chức Hội nghị AFCM, và khẳng định các nhà sản xuất xi măng của Việt Nam có mặt tại Hội nghị AFCM lần này đều mong muốn đóng góp sức mình cho thành công của Hội nghị.



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu chào mừng Hội nghị

Ông Nguyễn Quang Cung cho biết, sau một năm kể từ Hội nghị AFCM lần thứ 37 tại Thái Lan năm 2013, thị trường xi măng khu vực Đông Nam Á đã đi vào ổn định hơn, phản ánh



Toàn cảnh Hội nghị

tình hình hồi phục của kinh tế thế giới cũng như khu vực. Tuy nhiên, một thách thức không hề nhỏ đang đặt ra cho các nhà sản xuất xi măng, đó là tình trạng cung vượt cầu tại hầu hết các quốc gia AFCM, chi phí sản xuất tăng do giá nhiên liệu và vận chuyển tăng...

Mặt khác, năm vừa qua thế giới cũng đã được chứng kiến những thảm họa thiên nhiên gây hậu quả vô cùng lớn, ví dụ như vụ sạt lở đất do siêu bão Haiyan ở Philipin làm hơn 6.300 người chết và hàng ngàn ngôi nhà bị phá hủy; các trận động đất ở Trung Quốc, gió lốc ở Mỹ và nạn dịch Ebola ở châu Phi... đã cướp đi sinh mạng của hàng ngàn người. Điều đó thúc dục ngành công nghiệp sản xuất xi măng phải nỗ lực nhiều hơn nữa trong công tác bảo vệ môi trường vì ngành xi măng là một trong những ngành công nghiệp phát thải lượng lớn khí cacbonic vào môi trường.

Theo TS. Nguyễn Quang Cung, tại Hội nghị này, các thành viên của AFCM sẽ cùng nhau thảo luận về các giải pháp ứng phó với những thách thức, đưa ngành xi măng phát triển bền vững cũng như về các vấn đề liên quan đến việc hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN vì mục

tiêu hội nhập kinh tế khu vực vào năm 2015.

Đến dự và phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam chào mừng và hoan nghênh các đoàn đại biểu quốc tế dự Hội nghị AFCM lần thứ 38 tại Hà Nội, đồng thời cho biết, hơn 37 năm trước, Hội đồng xi măng Đông Nam Á đã trở thành ngôi nhà chung của các nhà sản xuất xi măng khu vực ASEAN, là nơi gặp gỡ của các đồng nghiệp và bạn bè cùng hướng đến một mục tiêu phát triển ngành công nghiệp xi măng khối ASEAN thịnh vượng, và trên thực tế, ngành công nghiệp xi măng đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của khu vực ASEAN.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam, toàn cầu hóa mang lại nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng là nguyên nhân dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt trong ngành công nghiệp xi măng toàn thế giới. Ngày nay, ngành công nghiệp xi măng thế giới đã nhận ra rằng, để duy trì cạnh tranh lành mạnh trong tương lai, cần thiết lập một quy hoạch tổng thể dựa trên ba trụ cột: kinh tế - xã hội - môi trường.

Ngành công nghiệp xi măng là ngành sử dụng nhiều nguyên liệu và năng lượng – đó là những tài nguyên không tái tạo, đồng thời còn phát thải một lượng lớn bụi và khí nhà kính.

Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam cũng bày tỏ mong muốn, tại Hội nghị này, các nhà sản xuất xi măng của các nước trong khu vực sẽ cùng nhau bàn thảo các giải pháp đối diện với những thách thức, đưa ngành xi măng phát triển theo hướng bền vững, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN và của cả khu vực.

Minh Tuấn

Vụ Hợp tác quốc tế kỷ niệm 30 năm thành lập và đón nhận Huân chương Lao động

Ngày 26/11/2014 tại Trụ sở cơ quan Bộ Xây dựng, Vụ Hợp tác quốc tế Bộ Xây dựng đã tổ chức Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập và đón nhận

Huân chương Lao động hạng Ba. Nguyên Bộ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Mạnh Kiểm, Nguyễn Hồng Quân và Bộ trưởng đương nhiệm



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi Lễ

Trịnh Đình Dũng đã đến dự và chia vui với Vụ Hợp tác quốc tế.

Tham dự buổi Lễ và gặp mặt thân mật nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Vụ Hợp tác quốc tế có sự tham dự của Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Vũ Hồng Nam, Đại sứ Cu-ba, Đại sứ An-giê-ri và đại diện các tổ chức quốc tế; các đồng chí nguyên là lãnh đạo Bộ Xây dựng và các cán bộ, công chức của Vụ Hợp tác quốc tế các thời kỳ; các đồng chí lãnh đạo Bộ Xây dựng và đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các Tổng Công ty trực thuộc Bộ Xây dựng; đại diện lãnh đạo các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng.

Phát biểu ôn lại quá trình hình thành và phát triển của Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế Phạm Khánh Toàn cho biết, Vụ Hợp tác quốc tế được thành lập năm 1984 theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Lúc đầu Vụ có 7 cán bộ do đồng chí Lê Doãn Phách làm Vụ trưởng. Sự hình thành này đánh dấu mốc phát triển của Vụ Hợp tác quốc tế trên con đường chuyên nghiệp hóa công tác hợp tác quốc tế. Sự ra đời của Vụ Hợp tác quốc tế vào năm 1984 đã đón đầu cho sự mở cửa của đất nước và của ngành Xây dựng vào năm 1986, với nhiều dự án xây dựng có sự hợp tác đầu tư với nước ngoài trong lĩnh vực xi măng, thủy điện, nhiệt điện, hạ tầng kỹ thuật.

Bước ngoặt bắt đầu từ những năm đầu thập niên 1990, đặc biệt là năm 1993 sau Hội nghị bàn tròn cho Việt Nam khởi động lại nguồn vốn



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng thừa ủy quyền của Chủ tịch nước trao Huân chương Lao động hạng Ba cho Vụ Hợp tác quốc tế

viện trợ ODA, năm 1995 Việt Nam gia nhập khối ASEAN và bình thường hóa quan hệ với Mỹ, bắt đầu đàm phán một loạt các hiệp định thương mại... thì công tác hợp tác quốc tế của Bộ Xây dựng cũng được mở rộng, không chỉ hợp tác với chuyên gia nước ngoài mà còn đàm phán các gói hỗ trợ kỹ thuật, các chương trình cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, hỗ trợ xây dựng pháp luật, nâng cấp đô thị...

Từ năm 2000 đến nay, hoạt động hợp tác quốc tế của Bộ Xây dựng ngày càng được mở rộng và đi vào chiều sâu. Vụ Hợp tác quốc tế đã tham gia đàm phán hiệp định TPP, các hiệp định thương mại trong khối ASEAN, các thỏa thuận công nhận lẫn nhau, công nhận thể nhân kỹ sư, kiến trúc sư. Chỉ thị số 22 của Bộ Chính trị năm 2013 về hội nhập quốc tế đã tạo nền tảng cho việc hội nhập sâu rộng trong tất cả các lĩnh vực, các cấp, ngành và tất cả các đối tượng. Từ Chỉ thị số 22, Chính phủ và Bộ Xây dựng đã đặt ra các kế hoạch, chương trình hành động, lộ trình xây dựng văn bản pháp luật, tăng cường năng lực của ngành cho việc hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng còn là cơ quan đại diện cho Chính phủ điều phối hoạt động của 03 Ủy ban Liên chính phủ (Cu-ba, An-giê-ri, Li-bi) và đã triển khai đàm phán nhiều chương trình hợp tác có hiệu quả...

Trong công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, các cán bộ của Vụ Hợp tác quốc tế luôn kiên

định lập trường, thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, các chương trình lớn về hợp tác quốc tế của Chính phủ, Bộ Xây dựng và đặt lợi ích của dân tộc, của đất nước lên trên hết.

Trải qua 30 năm xây dựng và trưởng thành, Vụ Hợp tác quốc tế đã không ngừng nỗ lực, đoàn kết phấn đấu và hoàn thành các nhiệm vụ được lãnh đạo Bộ giao cho. Những thành tích của Vụ Hợp tác quốc tế đã được Nhà nước, Bộ Xây dựng, Bộ Ngoại giao, các đoàn thể, các Đại sứ quán, các tổ chức quốc tế ghi nhận và trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày truyền thống, Vụ Hợp tác quốc tế vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba, được Bộ Ngoại giao tặng Bằng khen và Kỷ niệm chương vì sự nghiệp ngoại giao.

Phát biểu chia vui và chúc mừng những thành tích của Vụ Hợp tác quốc tế đã đạt được trong 30 năm qua, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao vai trò của Vụ Hợp tác quốc tế, ghi nhận và biểu dương nỗ lực của các thế hệ cán bộ, công chức của Vụ Hợp tác quốc tế trong công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế của Bộ Xây dựng, góp phần giúp Bộ Xây dựng hoàn thành các nhiệm vụ được Đảng, Nhà nước giao và đưa ngành Xây dựng ngày càng phát triển.

Theo Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, đất nước ta đang trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập sâu rộng với quốc tế và đứng

trước những vận hội lớn nhưng thách thức cũng còn nhiều. Nhu cầu đầu tư phát triển đất nước là rất lớn trong khi nguồn lực của chúng ta còn hạn chế. Cho nên, mở rộng hội nhập với thế giới là một yêu cầu bắt buộc đòi hỏi chúng ta phải chủ động và tích cực, nhằm vừa học tập kinh nghiệm của các nước đi trước, vừa huy động các nguồn lực đầu tư và sự hỗ trợ của quốc tế để đưa đất nước ra phát triển một cách bền vững.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng mong muốn trong thời gian tới Vụ Hợp tác quốc tế sẽ tiếp tục giữ vai trò tham mưu để đẩy mạnh hiệu quả công tác hợp tác quốc tế của Bộ Xây dựng; chú trọng bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công chức để đảm đương nhiệm vụ một cách tốt nhất.

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tin tưởng, với 30 năm truyền thống và những thành tích đã đạt được, các cán bộ, công chức Vụ Hợp tác quốc tế sẽ kế tục sự nghiệp của các thế hệ trước, viết tiếp trang sử tự hào của Vụ, đưa Vụ Hợp tác quốc tế thực sự trở thành một cơ quan tham mưu chuyên nghiệp và hiệu quả của Bộ Xây dựng trong lĩnh vực đối ngoại và hợp tác quốc tế, giúp Bộ Xây dựng hoàn thành nhiệm vụ của một cơ quan chính phủ, góp phần cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Minh Tuấn

Xu hướng xanh trong xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn của Trung Quốc

1. Vật liệu xanh hỗ trợ thúc đẩy xây dựng tiết kiệm năng lượng

Xây dựng nông thôn mới liên quan đến lợi ích của hơn 800 triệu nông dân trên cả nước, nhưng từ lâu, mô hình xây dựng truyền thống gây lãng phí tài nguyên và thiếu bền vững vẫn đang được áp dụng. Chỉ nói riêng về xây dựng nông thôn, theo dự toán nội bộ, hiện nay tổng

lượng tiêu hao năng lượng và tổng diện tích xây dựng dân dụng của khu vực nông thôn cao hơn nhiều so với khu vực đô thị.

Trong các công trình xây dựng mới hằng năm của Trung Quốc, công trình xây dựng ở nông thôn chiếm 60% diện tích xây dựng của cả nước, là một phần quan trọng trong xây dựng nhà ở cả nước. Dưới tiên đề đẩy mạnh xây dựng

nông thôn mới và đảm bảo nâng cao chất lượng sinh hoạt của nông dân, xây dựng môi trường nhà ở trong sạch, thoải mái và an toàn, nhưng không làm gia tăng lượng tiêu hao năng lượng chính là vấn đề mang tính chiến lược trong quá trình xây dựng nông thôn mới mà các cơ quan hữu quan cần phải đối diện và giải quyết.

2. Tiết kiệm năng lượng trong xây dựng: Nhiệm vụ nặng nề và con đường còn xa

Cùng với sự phát triển kinh tế và mức sống không ngừng nâng cao, phần lớn người dân khu vực nông thôn đặt ra yêu cầu về mức độ thoải mái đối với môi trường cư trú ngày càng cao. Nếu mức độ tiêu hao năng lượng trong xây dựng nông thôn liên tục tăng cao thì sẽ gây ảnh hưởng rất tiêu cực đối với sự phát triển bền vững và lâu dài của nền kinh tế và xã hội khu vực nông thôn.

Trong bối cảnh đó, đại diện các Bộ, ngành gồm Ban nghiên cứu thuộc Chính phủ; Bộ Xây dựng nhà ở, Đô thị và nông thôn; Bộ Nông nghiệp; chính quyền các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, truyền thông đã tiến hành khảo sát thực địa, phân tích và đề xuất các kiến nghị cho công tác xây dựng nông thôn mới và xây dựng tiết kiệm năng lượng nhằm đề xướng tiết kiệm tối đa tài nguyên (tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm đất, tiết kiệm nước, tiết kiệm vật liệu), bảo vệ môi trường và giảm bớt ô nhiễm, cung cấp cho người dân không gian cư trú trong sạch, phù hợp, hiệu quả cao và gần gũi với thiên nhiên, phổ biến quan niệm xây dựng xanh.

Nhiều chuyên gia cho rằng, nhìn từ tiến trình lâu dài thực hiện đô thị hóa kiểu mới, tuy rằng xây dựng tiết kiệm năng lượng và xây dựng xanh có không gian phát triển rộng rãi, nhưng so với công tác tiết kiệm năng lượng xây dựng ở khu vực đô thị thì việc áp dụng phổ biến biện pháp xây dựng tiết kiệm năng lượng ở nông thôn thực sự là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn.

Theo thống kê, tính đến thời điểm hiện tại, diện tích nhà ở bình quân người dân nông thôn

của Trung Quốc là 33,6m², gấp 4,1 lần so với 8,1 m² của năm 1978, đặc biệt là trong thời điểm thực hiện “kế hoạch 5 năm lần thứ XI”, mỗi năm diện tích tăng thêm nhà ở nông thôn đạt trên 80 tỷ m². Theo đại diện của Bộ Nhà ở, Phát triển Đô thị và Nông thôn cho biết, hiện nay công tác xây dựng tại khu vực nông thôn chủ yếu là người dân tự thiết kế, tự xây dựng, chưa đưa vào phạm vi cưỡng chế quản lý theo tiêu chuẩn xây dựng tiết kiệm năng lượng quốc gia, do đó công tác triển khai sẽ nảy sinh nhiều vấn đề mới.

Ở một số khu vực nông thôn của Trung Quốc, từ hàng nghìn năm nay người dân tự xây dựng nhà bằng gạch đất sét, hầu như không có khái niệm về tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường, nên đồng thời với việc lãng phí tài nguyên vật chất và tài nguyên năng lượng, người nông dân đã vô tình phá hoại nghiêm trọng môi trường sinh thái, khiến môi trường cư trú và sinh hoạt ngày càng xấu đi.

Theo ông Đặng Văn khôi, Trưởng phòng phát triển, Ban nghiên cứu của Chính phủ Trung Quốc, ở các khu vực nông thôn, kết cấu xây dựng truyền thống chủ yếu là kết cấu gạch - gỗ, công năng cách nhiệt và giữ nhiệt của công trình đều rất kém, dẫn đến sự tiêu hao năng lượng trong quá trình sử dụng lớn. Đồng thời thiếu hệ thống xử lý nước, rác thải vứt bừa bãi, không gian kiến trúc cũng không được tận dụng hiệu quả. Dưới áp lực về tài nguyên, năng lượng và môi trường, việc chuyển đổi tư duy truyền thống của người dân khu vực nông thôn là vấn đề tất yếu hiện nay, tích cực phát triển kiến trúc xanh, bắt đầu là từ tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường, hay cải thiện chất lượng sinh hoạt của người dân đều có ý nghĩa hết sức thiết thực và quan trọng.

Tháng 12/2013, Hội nghị Trung ương về công tác đô thị hóa của Trung Quốc đã chỉ ra rằng, đô thị hóa kiểu mới cần giúp người dân “nhìn thấy núi, nhìn thấy nước, nhớ được quê hương cội nguồn”. Quan điểm chỉ đạo này cho

thấy, đô thị hóa kiểu mới và xây dựng nông thôn mới có quan hệ mật thiết với nhau, công tác xây dựng nông thôn mới không nên đi theo lối cũ, lãng phí tài nguyên. Xây dựng xanh, thân thiện với môi trường mới là lối đi quan trọng trong xây dựng nông thôn mới.

Lấy huyện Trang Bình, thành phố Liêu Thành, tỉnh Sơn Đông, một trong 100 huyện phát triển mạnh trong cả nước làm ví dụ, điểm khác biệt rất rõ của huyện này với các địa phương khác đó là công tác xây dựng nông thôn mới của huyện được phần lớn người dân ủng hộ. Những năm gần đây, người dân nghiêm túc thực hiện theo sự chỉ đạo của chính quyền, cơ quan chức năng, nỗ lực tổ chức thực hiện, tái cơ cấu ngành sản xuất vật liệu xanh, đẩy nhanh công tác xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu xây dựng xanh, từ đó mang lại diện mạo mới, cuộc sống mới cho chính địa phương mình.

Nhìn từ góc độ lâu dài, xây dựng xanh cần từng bước mở rộng phạm vi từ đô thị đến nông thôn, yêu cầu người trực tiếp phụ trách công tác xây dựng và người đưa ra quyết sách cần áp dụng rộng rãi vật liệu xây dựng xanh, tích cực chủ động quán triệt thực hiện chế độ chứng nhận sản phẩm kỹ thuật xây dựng tiết kiệm năng lượng và các chế độ liên quan trong các dự án khai thác đầu tư xây dựng khu tiếp giáp giữa đô thị và nông thôn, các công trình thị trấn thí điểm và cộng đồng nông thôn mới.

Đi đầu trong công tác sản xuất và ứng dụng sản phẩm vật liệu mới là Tập đoàn sản xuất vật liệu mới Trác Đạt với hơn 30 năm nghiên cứu và phát triển. Qua quá trình tự nghiên cứu, tập đoàn đã sản xuất thành công bộ sản phẩm nhà

ở công nghiệp hóa, đồng thời đang tiến hành cung cấp phương án giải quyết nhà ở tổng thể đạt tiêu chí tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường cho các nhà xây dựng đô thị và nông thôn cả trong và ngoài nước. Trên cơ sở nghiên cứu và sản xuất vật liệu mới, tập đoàn Trác Đạt cũng đã xây dựng được hệ thống xây dựng xanh với mô hình modun hóa, điều này chắc chắn sẽ có tác động tích cực cho sự phát triển sự nghiệp xây dựng tiết kiệm năng lượng khu vực nông thôn.

Những năm gần đây, Tập đoàn Trác Đạt không ngừng mở rộng hợp tác với các chính quyền địa phương trong cả nước, trong đó có Sơn Đông, Nội Mông, Cát Lâm, Hà Nam, Giang Tô để nỗ lực thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới đẹp, sinh thái, xanh và hạnh phúc.

Theo ông Thôi Kỳ - Viện trưởng Viện Khoa học công nghệ vật liệu xây dựng Trung Quốc - đơn vị đang tham gia lập quy hoạch phát triển khoa học công nghệ vật liệu xây dựng nông thôn mới giai đoạn thực hiện “kế hoạch 5 năm lần thứ XIII” - cho rằng, việc đưa các thành quả nghiên cứu ra thị trường thực sự phải dựa vào những doanh nghiệp như Tập đoàn Trác Đạt, hi vọng các địa phương cần tăng cường hợp tác với những doanh nghiệp cung cấp sản phẩm vật liệu xanh để từng bước thực hiện mục tiêu xây dựng nông thôn mới xanh, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường.

Tiêu Chính Hoa

*Nguồn: Báo Xây dựng Trung Quốc
(Đăng ngày 19/11/2014)*

ND: Hoàng Đại Hải

Hồ Bắc: Tìm hướng đi mới trong việc xử lý nước thải

Dân số tăng, các ngành sản xuất công, nông nghiệp đô thị phát triển, dẫn đến lượng nước thải ngày một tăng thêm, nguồn nước bị ô nhiễm nghiêm trọng và vấn đề xử lý nước thải cũng trở nên cấp thiết hơn. Mới đây chính

quyền tỉnh Hồ Bắc đã đưa ra ý kiến chỉ đạo về việc tăng cường công tác xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, yêu cầu dựa theo phương hướng cải thiện các dịch vụ xã hội, phát triển sản xuất, kinh doanh và các hoạt động của thị trường...

tích cực thúc đẩy xây dựng các nhà máy xử lý nước thải ở đô thị, lựa chọn phương pháp trọng điểm, tập trung giải quyết các vấn đề của hệ thống xử lý nước thải.

Tỉnh Hồ Bắc đưa ra mục tiêu đến trước cuối năm 2014 phải hoàn thành xây dựng nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt từ cấp huyện trở lên và toàn bộ được đưa vào vận hành ổn định. Đến cuối năm 2015, phải hoàn thiện nhiệm vụ cải tạo mạng lưới đường ống nước thải theo kế hoạch 5 năm lần thứ XII, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt của toàn tỉnh phải đạt 85%, trong đó thành phố Vũ Hán đạt 95%, khu vực hành chính cấp 2 đạt trên 85%, cấp huyện thị đạt trên 80%. Phấn đấu đến năm 2017, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt của toàn tỉnh đạt 90%, tỷ lệ sử dụng nước tái sinh đạt trên 10%. Đến năm 2020, tỷ lệ xử lý nước thải sinh hoạt của toàn tỉnh đạt khoảng 93%, tỷ lệ xử lý bùn thải đạt 100%.

Đổi mới công tác đầu tư vốn xây dựng

Nhu cầu về vốn cho xử lý nước thải tương đối lớn. Từ ý kiến chỉ đạo của Tỉnh có thể thấy đổi mới xây dựng đô thị cần thực hiện đồng thời với việc xây dựng các đường ống thoát nước. Các dự án xây dựng mới tại các khu vực cần nghiêm chỉnh chấp hành quy định phân tách hệ thống thoát nước thải và nước mưa, đồng thời bố trí hệ thống thu gom và xử lý nước mưa ngay từ ban đầu. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải phải linh hoạt, cần tập trung thì tập trung mà cần phân tán thì phân tán.

Công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt ở đô thị phải đảm bảo nguyên tắc “đáp ứng nhu cầu, điều kiện địa phương, kỹ thuật khả thi, hợp lý về kinh tế”, làm sao để việc vận hành quản lý trở nên đơn giản hơn, diện tích sử dụng và năng lượng tiêu hao là ít nhất. Trong quá trình xây dựng và quản lý, cơ quan chủ quản phải chú trọng làm tốt chức trách của mình về vấn đề thoát nước từ nông thôn tới thành thị, tăng cường quản lý giám sát xử lý nước thải đô thị, hoàn thiện hệ thống đánh giá khảo sát.

Chính quyền các cấp nên dựa theo nguyên

tắc “Chính quyền chỉ đạo, nhiều nguồn đầu tư”, mở rộng huy động các nhà đầu tư và lực lượng xã hội cùng tham gia xây dựng cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt ở đô thị, thiết lập cơ chế đầu tư đa kênh và đa dạng, thu hút đầu tư xây dựng cải tạo cùng với vốn xã hội và quản lý hoạt động hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Tăng cường thúc đẩy cải cách công tác xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, từng bước chuyển đổi theo cách quản lý doanh nghiệp hóa kinh doanh tự chủ và hoạch toán độc lập. Khuyến khích đầu tư tài chính từ các doanh nghiệp thông qua thu mua, sáp nhập hoặc các phương pháp khác hình thành từ các nhóm liên khu vực của công ty, khuyến khích nghiệp vụ doanh nghiệp tài chính đầu tư xây dựng tại các thành phố nhỏ. Tập trung hướng dẫn và duy trì công tác thực thi của doanh nghiệp trong xử lý nước thải với hoạt động xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Tìm kiếm mô hình mới về hoạt động xây dựng mạng lưới thoát nước thải. Chính phủ tập trung tài chính xây dựng mạng lưới thu gom nước thải và cải tạo phân chia hệ thống nước thải với nước mưa của những khu vực cũ, kiên trì tuân theo nguyên tắc ưu tiên những khu vực phố cổ, thống nhất chuẩn bị thi công đồng bộ, toàn diện mạng lưới đường phố và cải tạo mạng lưới thoát nước của phố cổ. Tích cực tìm kiếm đường lối cải cách tài nguyên hóa, thống nhất cải cách tổng hợp đô thị, khuyến khích bằng cách “nhượng quyền thương mại, cho thuê tài chính” để đầu tư tài chính cho xã hội. Việc xây dựng mạng lưới thoát nước thông qua phương thức nhượng quyền thương mại giao cho doanh nghiệp kinh doanh xây dựng, chính quyền và doanh nghiệp ký kết hợp đồng dịch vụ mua bán của Chính phủ, kinh phí mua dịch vụ do chính quyền địa phương thống nhất giải quyết. Thâu tóm xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải ở thị trấn. Nguyên tắc là lấy huyện thị làm đơn vị, lấy dự án xử lý nước thải sinh hoạt của thị trấn để tập trung thâu tóm các nhà cung cấp,

thống nhất dự toán xác định đối tượng xây dựng, khai thác và kinh doanh nhà máy xử lý nước thải, khuyến khích doanh nghiệp khai thác hoặc thúc đẩy các công nghệ tiên tiến.

Thiết thực tăng cường khả năng hỗ trợ chính sách

Tăng cường đầu tư tài chính công của chính quyền địa phương. Các cấp chính quyền nên căn cứ vào kế hoạch thống nhất của năm để bố trí tiền vốn xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại địa phương, ưu tiên đầu tư cho công tác đồng bộ mạng lưới thoát nước thải và cải tạo phân chia nước thải với nước mưa của khu vực... Trong chi phí xử lý nước thải nên dành một tỷ lệ nhất định cho việc xử lý bùn thải. Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt ở thị trấn có đóng góp đáng kể trong việc giảm lượng nước thải sinh hoạt, do vậy cần có một khoản riêng cho việc khen thưởng khuyến khích.

Nội dung xử lý nước thải sinh hoạt đô thị cần được đưa vào dự án quy hoạch cấp tỉnh, các địa phương nên tăng cường công tác chuẩn bị ban đầu, làm tốt hạng mục dự bị. Đối với nhà máy xử lý nước thải cũ ở các huyện, thị trấn, cần xây dựng mới hoặc cải tạo mạng lưới thoát nước thải chính, mỗi km được hỗ trợ 34.000 USD, đảm bảo tỷ lệ thu phí xử lý nước thải đạt tới trên 80% và khả năng vận hành khai thác đạt tiêu chuẩn cấp tỉnh.

Thực hiện chính sách ưu đãi về thu thuế, dùng điện và dùng đất. Ưu tiên đảm bảo nhu cầu sử dụng đất cho cơ sở xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, giá điện sử dụng cho việc xử lý nước thải sinh hoạt ở đô thị căn cứ vào giá dùng điện của công nghiệp lớn. Tăng cường khả năng hỗ trợ tài chính tín dụng. Khuyến khích

các tổ chức tài chính ngân hàng hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp đầu tư xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, tìm kiếm khai thác phát triển quyền thu phí xử lý nước thải sinh hoạt và các khoản cho vay thế chấp đối với quyền kinh doanh nhượng quyền.

Nghiêm túc thực hiện trách nhiệm tổ chức lãnh đạo

Ý kiến nhấn mạnh trách nhiệm của chính quyền nhân dân các cấp đối với công tác xử lý nước thải sinh hoạt ở khu vực bản địa. Thiết lập cơ chế liên tịch cấp tỉnh, do chính quyền địa phương phân chia quản lý với sự tham gia của các cơ quan phụ trách về phát triển cải cách, tài chính, đất đai, bảo vệ môi trường, xây dựng, thủy lợi... Chỉ đạo hỗ trợ các vấn đề thực tế trong công tác xử lý nước thải của các địa phương. Công tác xử lý nước thải sinh hoạt đô thị là một nội dung đánh giá đối với chính quyền địa phương, thực thi cơ chế đánh giá quản lý mục tiêu và theo dõi giám sát, lấy kết quả đánh giá làm căn cứ quan trọng đánh giá tổng hợp đô thị. Tặng phần thưởng biểu dương đối với những đơn vị có thành tích nổi bật, tiến hành phê bình người đứng đầu chính quyền địa phương nếu công tác xử lý nước thải không hiệu quả và không hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra. Nghiêm túc điều tra sai sót của những người có trách nhiệm và lãnh đạo có liên quan đối với những ảnh hưởng xấu và sự cố lớn về môi trường.

Hồ Quý Ngọc

Nguồn: http://chinajsb.cn/bz/content/2014-11/17/content_144887.htm

ND: Khánh Ly

Tình hình sử dụng thép phế liệu trong ngành Xây dựng Trung Quốc và quốc tế

Để trở thành ngành công nghiệp xanh, việc thu hồi và tái chế thép phế liệu là một phần rất quan trọng của nền kinh tế tuần hoàn trong

ngành công nghiệp thép. Trung Quốc và nhiều nước trên thế giới vẫn không ngừng nỗ lực thực hiện tái chế và đưa sản phẩm này vào trong xây

dụng với mục tiêu giảm tác động tới môi trường và tiết kiệm năng lượng.

Trong hơn 20 năm qua, ngành công nghiệp thu hồi và tái chế thép phế liệu của Trung Quốc đã dần được hình thành. Theo thống kê, từ năm 1994 - 2013, tổng sản lượng thép tái chế của Trung Quốc đạt khoảng 1,08 tỷ tấn, tương đương với 4,6 tỷ tấn quặng sắt được khai thác trong nước, tiết kiệm 1 tỷ tấn than, giảm 1,7 tỷ tấn lượng khí phát thải, giảm 3,2 tỷ tấn chất thải rắn, góp phần vào việc xây dựng xã hội tiết kiệm nguồn tài nguyên và thân thiện với môi trường.

1. Tình hình sử dụng thép phế liệu trên thị trường quốc tế

Thép phế liệu được xem là nguồn tài nguyên tái chế rất quan trọng trong ngành công nghiệp thép quốc tế và được đưa vào sử dụng một cách rộng rãi.

Theo thống kê, tổng lượng tiêu thụ thép tái chế trên thế giới trong năm 2011 cơ bản duy trì tiêu thụ ở mức 580 triệu tấn. Trong năm 2013, sản lượng thép thô thế giới là hơn 1,6 tỷ tấn, tỷ lệ thép phế liệu chiếm khoảng 36,1%. Lượng tiêu thụ thép phế liệu ở Trung Quốc là 86 triệu tấn, dẫn đầu mức tiêu thụ thép cao nhất trên thế giới; xếp hạng tiếp theo là Hoa Kỳ với 63 triệu tấn; Nhật Bản là 37 triệu tấn; Hàn Quốc là 33 triệu tấn; Thổ Nhĩ Kỳ là 32 triệu tấn, Nga là 20 triệu tấn; Ý là 20 triệu tấn và CHLB Đức là 19 triệu tấn. Thông qua số liệu tiêu thụ thép phế liệu của một số nước nêu trên có thể thấy, tuy Trung Quốc đứng đầu thế giới về lượng tiêu thụ thép phế liệu, nhưng lại là quốc gia có tỷ lệ sử dụng thép phế liệu thấp nhất trong quá trình sản xuất thép thô. Ngược lại Thổ Nhĩ Kỳ là quốc gia có tỉ lệ sử dụng thép phế liệu trong quá trình luyện thép cao nhất, đạt 88%; tỷ lệ sử dụng ở Hoa Kỳ là 63,8%; EU là 55,5% và Trung Quốc, trong năm 2012, đạt 22,99%, tuy nhiên trong năm 2013, con số này giảm xuống còn 10,96%.

Vì sao các quốc gia phát triển trên thế giới sẵn sàng sử dụng thép phế liệu? Để giải thích điều này, Viện sĩ Lí Y - Viện Hàn lâm Khoa học

Trung Quốc cho rằng: Nguyên nhân thứ nhất là để giảm lượng khí thải cacbon. Sử dụng thép phế liệu có thể giảm khoảng 58% lượng khí thải cacbon trong quá trình luyện thép. Nguyên nhân thứ 2 là để tiết kiệm năng lượng. Sử dụng thép phế liệu có thể giảm tới 60% mức tiêu thụ năng lượng, giảm 40% lượng nước tiêu thụ, giảm 72% lượng chất thải và giảm 76% lượng nước thải trong quá trình luyện thép. Trong quá trình sản xuất, nếu sử dụng 1 tấn thép phế liệu có thể giảm 1,6 tấn quặng sắt, giảm 3 tấn chất thải rắn.

Theo Viện sĩ Lí Y, theo thông lệ quốc tế, có 2 cách tính tỷ lệ tuổi thọ tuần hoàn cuối cùng của thép. Cách thứ nhất là thép phế liệu cũ, tỷ lệ chất thải; Cách thứ 2 là thép phế liệu cũ, tỷ lệ các vùng xám. Sự khác biệt giữa cách tính thứ nhất và thứ 2 chính là ở vùng xám, vùng xám ở đây là nói tới những bộ phận không thể nhìn thấy dư lượng, tiêu thụ, hạ tầng bị hư hỏng. Ví dụ như đường giao thông, đường hầm, cầu, đập, đê chắn sóng, bến cảng... không còn được đưa vào sử dụng, mặc dù thời gian đưa vào sử dụng là 50 năm, nhưng phần xây dựng ngầm dưới lòng đất, lòng nước lại có tuổi thọ sử dụng lên đến hàng trăm năm, phạm vi này thuộc phạm vi vùng xám.

Viện sĩ Lí Y cho rằng, tỷ lệ tuần hoàn thép ở Trung Quốc thấp chủ yếu là do quy mô xây dựng lớn, cơ sở hạ tầng phần lớn là được tính toán thiết kế sử dụng trong thời gian dài, lấy ví dụ điển hình như các nhà máy thủy điện: Tam Hiệp, Khê Lạc Độ, nền móng đường sắt cao tốc, đường hầm, cầu vượt biển... và nhiều công trình khác trên đất nước Trung Quốc. Những công trình này sau khi hết hạn sử dụng thì tỉ lệ thép phế liệu thu hồi được không nhiều. Những công trình như nhà máy thủy điện Tam Hiệp, Cầu Vịnh Hàng Châu... đều được thiết kế xây dựng và sử dụng trong thời gian dài, sau nhiều năm đưa vào sử dụng, việc đào chúng lên để đưa vào tái chế là không khả thi về mặt kinh tế. Đây là những phế liệu không nên đưa vào để

tính toán tỷ lệ vòng tuần hoàn của thép.

Hiện nay, hơn 70% lượng thép phế thải của Trung Quốc được thu gom từ các kết cấu và máy móc thiết bị đã hết tuổi thọ sử dụng, trong khi nguồn cung cấp thép phế liệu của Hoa Kỳ và các nước EU, chủ yếu là từ xe hơi cũ.

2. Tình hình sử dụng sử dụng thép phế liệu tại Trung Quốc

Năm 2013, sản lượng thép thô của Trung Quốc là 779 triệu tấn, tăng 7,54%; sản lượng sản xuất gang là 709 triệu tấn, tăng 6,24%. Cũng trong năm này, Trung Quốc tiêu thụ gần 86 triệu tấn thép phế liệu cho việc luyện thép, tăng 1,7 triệu tấn so với năm 2012 (84 triệu tấn), tương đương với tăng 2%. Mặc dù năm 2013, tổng lượng tiêu thụ thép phế liệu tăng nhẹ so với năm 2012, nhưng thực tế tỷ lệ thép phế liệu vẫn thấp hơn so với năm 2012 là 0,7%. Lượng thép phế liệu được tiêu thụ trong năm 2013 là gần 86 triệu tấn, nhưng theo số liệu thống kê của các năm trước, lượng thép phế liệu trong năm 2011 được tiêu thụ cao nhất với 91 triệu tấn.

Trong khi đó, năm 2013, lượng tiêu thụ thép phế liệu trong quá trình luyện thép trên cả nước là 110 kg/tấn, như vậy đã giảm 7 kg/tấn, tình trạng sử dụng thép phế liệu trong nước vẫn tiếp tục xu hướng “tăng tổng lượng và tiêu thụ giảm”.

Từ năm 2000 cho đến nay, lượng thép phế liệu sử dụng trong quá trình luyện thép của Trung Quốc đã giảm dần theo từng năm, giảm từ 22,99% vào năm 2000 xuống còn 10,96% vào năm 2013, lũy kế giảm 12,3%.

Sản lượng thép thô của Trung Quốc với lượng quặng sắt nhập khẩu đã hình thành sự đối lập, lượng thép phế liệu nhập khẩu đã giảm đáng kể so với những năm trước đó. Năm 2013, sản lượng thép thô đã tăng 7,54% so với năm trước, lượng quặng sắt nhập khẩu tăng 10,2%, trong khi lượng thép phế liệu nhập khẩu chỉ khoảng 4,46 triệu tấn, giảm 510 nghìn tấn

trong năm 2013, biên độ giảm là 10,26%. Trên thực tế, do chịu sự biến động giá cả quặng sắt, độ biến động của lượng thép phế liệu nhập khẩu của Trung Quốc đã thể hiện rõ hàng năm, năm 2009, là thời kỳ đỉnh cao đạt 13,69 triệu tấn, đến năm 2010, lại giảm 57%, tương đương với 5,85 triệu tấn, tuy nhiên đến năm 2011 xuất hiện sự phục hồi nhẹ, và trong 2 năm 2012 và 2013 lại liên tục giảm.

Về vấn đề này, Viện sĩ Lí Y cũng kiến nghị, các doanh nghiệp thép của Trung Quốc nên xem xét việc nhập khẩu nhiều hơn thép phế liệu và giảm nhập khẩu quặng sắt. Năm 2012, việc tiêu thụ thép ở những quốc gia lớn trên thế giới, cụ thể là sản lượng sản xuất thép của Thổ Nhĩ Kỳ là 36 triệu tấn, chiếm 3% tổng sản lượng thép trên thế giới, lượng nhập khẩu thép phế liệu chiếm 20% của thế giới; sản lượng thép của Hàn Quốc là 70 triệu tấn, chiếm 6% của thế giới, lượng thép phế liệu nhập khẩu chiếm 10% của thế giới; sản lượng thép của Trung Quốc chiếm 48,5% của thế giới, nhưng lượng thép phế liệu nhập khẩu chỉ chiếm 5% của thế giới.

Viện sĩ Lí Y cho rằng, giá nhập thép phế liệu và giá nhập khẩu quặng sắt không chênh nhau là bao, nhưng nếu xét đến việc giảm lượng khí thải, tiết kiệm nguồn năng lượng... thì việc dùng thép phế liệu có giá trị cao hơn. Do đó, các doanh nghiệp thép của Trung Quốc cần tăng cường nhập khẩu thép phế liệu để thay thế một phần quặng sắt nhập khẩu và từng bước nâng tỷ lệ thép phế liệu sử dụng trong quá trình luyện thép lên 30%.

Lưu Hàng

*Nguồn: <http://www.jzsbs.com>
(Thời báo Xây dựng - Bản điện tử của*

*Trung Quốc
ngày 13/10/2014)*

ND: Bích Ngọc

KHAI MẠC TRIỂN LÃM QUỐC TẾ VIETBUILD 2014 TẠI HÀ NỘI

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2014



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam phát biểu khai mạc Triển lãm



Quang cảnh lễ khai mạc triển lãm